

BỘ 40 ĐỀ THI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**ĐỀ SỐ 1****Ma trận đề thi học kì 1 Văn 8**

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng cộng
1. Chủ đề 1: Đọc hiểu: - Ngữ liệu: một đoạn trích văn bản văn học. - Tiêu chí: chọn lựa ngữ liệu: 01 đoạn trích dài khoảng 300 chữ.	-Nhận biết được phương thức biểu đạt trong văn bản. - Xác định Yếu tố miêu tả, biểu cảm.	Xác định từ tượng hình, tác dụng và nội dung đoạn trích.			
Số câu: 1 Tỉ lệ: 30%	2(câu 1,2) 1,5điểm	1(câu 2,4) 1,5 điểm			4 câu 3.0 điểm
2. Làm văn Nghị luận xã hội: Viết đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 100 chữ.			Viết đoạn văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm		
Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%			1 (câu 1) 2.0 điểm		1 câu 2.0 điểm
3. Làm văn: Nghị luận văn học: Viết một bài văn phát biểu cảm nhận về 1 tác phẩm				Viết hoàn chỉnh một bài văn phát biểu cảm nghĩ về 1 tác phẩm văn	

văn học. trong chương trình Ngữ văn 8, tập I (chương trình nửa đầu học kì I).				học.	
Số câu: 1				1(câu 2)	01 câu
Tỉ lệ: 50%				5.0 điểm	5.0 điểm
Tổng cộng điểm:	1 điểm	1 điểm	3.0 điểm	5.0	10 điểm
Tổng cộng tỉ lệ:	10 %	10%	30%	50%	100%

Đề thi Văn 8 học kì 1

I. Đọc- hiểu (4 điểm):

Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

[... Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Thấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn: cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”].

(Lão Hạc – Nam Cao, Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1 (0,5đ). Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0,5đ). Em hãy cho biết nội dung của đoạn trích.

Câu 3 (1 đ). Tìm yếu tố miêu tả về “cái chết dữ dội của” lão Hạc.

Câu 4 (1 đ). Xác định từ tượng hình có trong đoạn trích? Nêu tác dụng.

II. Tập làm văn (7 điểm):

Câu 1 (2đ). Từ nội dung đoạn trích, em hãy viết đoạn văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm (Khoảng 10 câu) nêu suy nghĩ của em về số phận người nông dân trong xã hội cũ. Đoạn văn có sử dụng một tình thái từ, một thán từ (gạch chân, chú thích tình thái từ, thán từ).

Câu 2 (5đ). Qua đoạn trích “**Tức nước vỡ bờ**” của Ngô Tất Tố và truyện ngắn “**Lão Hạc**” của Nam Cao, em hiểu như thế nào về cuộc đời và tính cách người nông dân trong xã hội cũ. Hãy trình bày suy nghĩ của em.

-----HẾT-----

Phần	Câu	Yêu cầu	Điểm
I. Đọc-hiểu		Đoạn trích trong “Lão Hạc” của Nam Cao	3.0
	1	- PTBD: Tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận.	0.5
	2	ND: Miêu tả cái chết của Lão Hạc và tâm tư của ông giáo.	0,5
	3	Các yếu tố miêu tả cái chết của lão Hạc: + Lão vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. + Lão tru tréo, bộp mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại giật mạnh một cái, nảy lên; lão vật vã hai giờ đồng hồ rồi mới chết.	1.0
	4	- Từ tượng hình: <i>vật vã, rũ rượi, xộc xệch, long sòng sọc</i> - Tác dụng: + Gây ấn tượng mạnh với người đọc + Diễn tả cái chết đầy đau đớn, dữ dội của lão Hạc.	1.0
II. Tạo lập đoạn văn	1	Viết thành đoạn văn có nội dung: Cái chết của Lão Hạc và tâm tư của ông giáo.	2.0
	a	Hình thức: - Đúng đoạn văn tự sự có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm. - Có sử dụng tình thái từ, thán từ (gạch chân, chú thích)	0,5
	b	Về nội dung: Có thể trình bày theo hướng sau: - Người nông dân trong xã hội cũ phải sống cuộc đời vô cùng cơ cực, quanh năm lam lũ vất vả vẫn nghèo đói, túng thiếu. - Phải chịu sự áp bức bất công; hà khắc của bộ máy cầm quyền; chịu sưu cao, thuế nặng. - Người nông dân thấp cổ bé họng không những không được pháp luật, nhà nước bảo hộ mà còn bị đối xử bất công, tàn nhẫn, vô nhân đạo.	1,0
	c	Cách diễn đạt sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.	0,25
	d	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. Không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

III. Tạo lập văn bản	2	Tạo lập 1 văn bản biểu cảm về tác phẩm văn học hoàn chỉnh.	5
	2.1	Yêu cầu chung:	
		- Biết cách làm bài văn phát biểu cảm về tác phẩm văn học để làm rõ yêu cầu của đề bài. - Bài viết có bố cục đầy đủ; diễn đạt rõ ràng; thể hiện được năng lực cảm thụ văn học và năng lực bày tỏ quan điểm riêng phù hợp chuẩn mực đạo đức xã hội; cách diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	2.2	Yêu cầu cụ thể:	5
	a	Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	0,5
	b	Nội dung: Yêu cầu làm rõ: a. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận (0,5đ) b. Thân bài: - Cuộc đời số phận của người nông dân: cơ cực, nghèo khổ, tối tăm, bế tắc, không lối thoát (lấy dẫn chứng cụ thể ở mỗi nhân vật). - Chỉ ra nét đẹp riêng ở mỗi nhân vật: + Chị Dậu: Có lòng yêu thương chồng con tha thiết, sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ. + Lão Hạc: thương con, lương thiện, nhân hậu, trung thực và giàu lòng tự trọng. - Phẩm chất tốt đẹp: Tận tụy, hi sinh vì người thân. - Giá hiện thực, giá trị nhân đạo qua nhân vật chị Dậu, lão Hạc. c. Kết bài: Dù cuộc sống cơ cực, bế tắc nhưng ở họ vẫn toát lên những phẩm chất tốt đẹp. Đó là những tính cách điển hình cho người nông dân Việt Nam.	0,5 0,5 1,0 0,5 0,5 0,5
	c.	Cách diễn đạt sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.	0,5
	d.	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. Không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
ĐIỂM TOÀN BÀI			10,0

ĐỀ SỐ 2

Trắc nghiệm

Câu 1: Câu nào dưới đây là sai?

- A. Công dụng của dấu ngoặc đơn là đánh dấu phần chú thích.
- B. Công dụng của dấu ngoặc đơn là đánh dấu phần bổ sung thêm.
- C. Công dụng của dấu ngoặc đơn là đánh dấu phần thuyết minh.

D. Cả ba ý trên đều đúng

Câu 2: Từ nào dưới đây không thuộc trường từ vựng "gương mặt"?

- A. Cánh tay
B. Gò má
C. Đôi mắt
D. Long mi

Câu 3: Từ nào dưới đây là từ tượng hình?

- A. Ve vầy
B. Ắng ắng
C. Ư ử
D. Gâu gâu

Câu 4: Đọc đoạn thơ sau:

*"Và má muôn đời Nam Bộ vẫn chờ tôi.
Má ngược đầu lên má biểu: "Thằng Hai!
Gặp bữa, con ngồi xuống đây ăn cơm với má".*

Từ nào sau đây là từ ngữ địa phương vùng Nam Bộ?

- A. Biểu
B. Đầu
C. Ngồi
D. Ngược

Câu 5: Câu "Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi..." là:

- A. Câu ghép
B. Câu đơn
C. Câu đặc biệt
D. Tất cả đều sai

Câu 6: Dấu ngoặc kép trong "Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông" được dùng để làm gì?

- A. Đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp.
B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
C. Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... dẫn trong câu văn.
D. Tất cả đều đúng

Câu 7: Tác giả của văn bản "Lão Hạc" là ai?

- A. Nam Cao
B. Ngô Tất Tố

C. Nguyên Hồng

D. Thanh Tịnh

Câu 8: "Tức nước vỡ bờ" được rút từ tập truyện nào?

A. Tắt đèn

B. Quê mẹ

C. Lão Hạc

D. Những ngày

II. Tự luận

Câu 1 (2 điểm):

a. Chép đúng, chép đẹp theo trí nhớ bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác"

b. Bài thơ trên của ai? Viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (3 điểm): Nêu đặc điểm của câu ghép? Xác định câu ghép có trong đoạn văn sau và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong mỗi câu ghép:

"Vào mùa sương, ngày ở Hạ Long như ngừng lại. Buổi sớm, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển ..."

(Thi Sảnh)

Câu 3 (5 điểm): Thuyết minh về cây phượng vĩ.

Đáp án

Tự luận

Câu 1 (2 điểm):

a. Chép đúng, chép đẹp theo trí nhớ bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" mỗi câu đúng, đẹp được (1điểm).

MUỐN LÀM THẲNG CUỘI

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi,
Cung quế đã ai ngồi đó chưa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,

*Cùng gió, cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.*

b. Bài thơ trên của tác giả Tản Đà. (0,5 điểm)

Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. (0,5 đ)

Câu 2 (3 điểm):

- Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm chủ vị không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm chủ vị này được gọi là một vế câu. (1 điểm)
- Đoạn văn có hai câu ghép: (0,5 điểm)
- Buổi sớm, mặt trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. (0,5 điểm)
- Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển. (xác định đúng mỗi câu ghép được (0,5 điểm)
- Mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong hai câu ghép là quan hệ nguyên nhân. (0,5 điểm)

Câu 3 (5 điểm):

A. Yêu cầu chung:

1. Về nội dung: Học sinh phải nhớ chính xác về đặc điểm, cấu tạo, lợi ích, của cây phượng và kiểu bài thuyết minh về loài vật (loài cây).
2. Về hình thức: Học sinh nắm vững phương pháp làm bài văn thuyết minh về loài cây. Ngôn từ chính xác, dễ hiểu; cách viết sinh động, hấp dẫn, đảm bảo tính khách quan. Đảm bảo bố cục chung của bài viết. Nhận diện được câu ghép và mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép.

B. Yêu cầu cụ thể:

Dàn ý:

a) Mở bài: Giới thiệu cây phượng là loài cây đẹp, gần gũi, gắn bó với tuổi học trò.

b) Thân bài:

* Đặc điểm chung (sinh học) của cây phượng:

- Phượng là loài cây thân gỗ, phát triển không nhanh nhưng cao to.
- Cây không ưa nước, sống ở nơi khô ráo.

- Phượng cùng họ với cây vang, thường được trồng để lấy bóng mát.

* Cấu tạo các bộ phận của cây phượng:

- Thân phượng thẳng, cao, nhiều tán xòe rộng, thưa.
 - Vỏ màu nâu sẫm, trên thân không nhiều mắt, mấu như cây bàng.
 - Phượng là cây rễ chùm, cây to rễ nổi trên mặt đất.
 - Lá thuộc loại lá kép, phiến lá nhỏ như lá me, xanh ngắt về mùa hè và vàng khi mùa thu.
 - Hoa thuộc họ đậu, mọc từng chùm, mỗi hoa có nhiều cánh như cánh bướm. Nhị hoa vàng, cong như những chiếc vòi nhỏ vươn xòe ra trên cánh.
- Hoa phượng nở vào mùa hè, màu đỏ thắm; khi hoa nở rộ, cả cây phượng như mâm xôi gác khổng lồ.
- Quả phượng hình quả đậu, quả me nhưng to và dài, có màu xanh; khi quả khô màu nâu sẫm.

* Lợi ích của cây phượng đối với đời sống con người:

- Cây phượng cung cấp bóng mát nên được trồng nhiều ở đường phố, trường học.
- Phượng gắn với kỉ niệm tuổi thơ: báo hiệu mùa hè về; gợi bao kỉ niệm về trường lớp, bạn bè...
- Hoa phượng đã đi vào thơ, vào nhạc, khơi nguồn cảm hứng cho các nghệ sĩ.

c) Kết bài:

Phượng mãi mãi là người bạn gần gũi, thân thiết của tuổi học trò.

Biểu điểm câu 3

Hình thức: (1 điểm)

Đúng kiểu bài văn thuyết minh về loài vật, bố cục đảm bảo, diễn đạt lưu loát, trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp

Nội dung: (4 điểm)

Mở bài đúng yêu cầu của đề (0,5 điểm)

Thân bài (3 điểm)

- Thuyết minh được đặc điểm chung của cây phượng (0,5 điểm).
- Thuyết minh được cấu tạo các bộ phận của cây phượng (2 điểm).
- Thuyết minh được lợi ích của cây phượng trong đời sống (0,5 điểm).

Kết bài đúng yêu cầu của đề (0.5 điểm).

Lưu ý: Hướng dẫn chấm là những nội dung cơ bản, học sinh phải đảm bảo đạt được trong bài làm của mình. Ngoài ra, trong quá trình chấm, giáo viên phát hiện những sáng tạo của học sinh để cho điểm phù hợp.

- Điểm trừ nội dung kiến thức căn cứ vào đáp án, dàn ý và bài làm của học sinh ở từng phần thiếu nhiều hay ít để trừ.
- Điểm trừ tối đa đối với bài viết (câu 3) không đảm bảo bố cục là 1 điểm.
- Điểm trừ tối đa đối với bài viết mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, lỗi diễn đạt là 1 điểm.

ĐỀ SỐ 3

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 điểm) (Thời gian 15 phút)

Khoanh tròn vào chữ cái (a, b, c hoặc d) trước đáp án đúng.

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích "Trong lòng mẹ" (Nguyễn Hồng) chủ yếu

- trình bày nỗi đau khổ của mẹ bé Hồng.
- trình bày tâm địa độc ác của người cô bé Hồng.
- trình bày sự tủi hờn của bé Hồng khi gặp mẹ.
- trình bày diễn biến tâm trạng của bé Hồng.

Câu 2: Nói quá là

- cách thức sắp đặt để đối chiếu hai sự vật, hiện tượng có mối liên hệ giống nhau.
- biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.
- phương tiện tu từ làm giảm nhẹ, làm yếu đi một đặc trưng tích cực nào đó của một đối tượng.
- phương thức chuyển tên gọi từ vật này sang vật khác.

Câu 3: Trong tác phẩm "Lão Hạc" (Nam Cao), nhân vật lão Hạc là một người

- a. có số phận bi thương nhưng có phẩm chất cao quý.
- b. sống ích kỉ đến mức gàn dở, ngu ngốc.
- c. có thái độ sống vô cùng cao thượng.
- d. có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

Câu 4: Trong truyện "Cô bé bán diêm" tác giả An-đéc-xen đã làm nổi bật hoàn cảnh của cô bé bằng biện pháp nghệ thuật

- a. Tương phản.
- b. Hoán dụ.
- c. Liệt kê.
- d. Ẩn dụ.

Câu 5: Các từ tượng hình và từ tượng thanh thường được dùng trong các kiểu văn bản

- a. tự sự và nghị luận.
- b. tự sự và miêu tả.
- c. miêu tả và nghị luận.
- d. nghị luận và biểu cảm.

Câu 6: Theo em trong thực tế, biện pháp tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số là

- a. đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của các quốc gia, châu lục.
- b. đẩy mạnh sự phát triển giáo dục, nhất là giáo dục với phụ nữ.
- c. tạo nên sự ổn định về chính trị của các quốc gia, châu lục.
- d. đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội của quốc gia, châu lục.

Câu 7: Trong "Hai cây phong" (Ai-ma-tốp), người kể chuyện giới thiệu mình là một

- a. nhà báo.
- b. nhạc sĩ.
- c. họa sĩ.
- d. nhà văn.

Câu 8: Văn bản "Ôn dịch thuốc lá" có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phương thức biểu đạt

- a. thuyết minh và tự sự.
- b. tự sự và biểu cảm.
- c. nghị luận và thuyết minh.
- d. biểu cảm và thuyết minh.

Câu 9: Trường từ vựng là tập hợp tất cả các từ

- a. có chung cách phát âm.
- b. có ít nhất một nét chung về nghĩa.
- c. cùng từ loại (danh từ, động từ,...).
- d. có chung nguồn gốc (từ Thuần Việt, từ mượn).

Câu 10: Trong đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" (Xéc-van-tet), Đôn Ki-hô-tê thất bại khi đánh nhau với những chiếc cối xay gió là do

- a. lão không có đủ vũ khí lợi hại.
- b. lão không lường trước được sức mạnh của kẻ thù.
- c. đầu óc lão mê muội, không tỉnh táo.
- d. những chiếc cối xay gió được phù phép.

Câu 11: Chị Dậu được coi là điển hình về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945 vì chị là

- a. người nông dân nghèo khổ nhất từ trước đến nay.
- b. người nông dân mạnh mẽ nhất từ trước đến nay.
- c. người phụ nữ nông dân luôn nhịn nhục trước sự áp bức của bọn thực dân phong kiến.
- d. người phụ nữ nông dân phải chịu nhiều cực khổ nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng cao đẹp.

Câu 12: Dấu ngoặc kép trong ví dụ:

Nam Cao (1915 – 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam với một số tác phẩm nổi tiếng như: "Chí Phèo" (1941), "Trăng sáng" (1942), "Đời thừa" (1943)... được dùng để đánh dấu

- a. tên tác phẩm.
- b. phần giải thích cho phần trước đó.
- c. phần bổ sung cho phần trước đó.
- d. từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 điểm) (Thời gian 75 phút)

Câu 1: (1.0 điểm) Hãy cho biết công dụng của dấu hai chấm?

Câu 2: (1.0 điểm) Kết thúc truyện "Chiếc lá cuối cùng" của O. Hen-ri, Xiu đã nói với Giôn- xi: "Đó là kiệt tác của bác Bơ-men"

Theo em, chiếc lá cuối cùng ấy có xứng đáng là một kiệt tác hay không? Vì sao?

Câu 3: (5.0 điểm) Thuyết minh về một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt.

Đáp án

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 điểm) Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	d	b	a	a	b	b	c	c	b	c	d	a

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 điểm)

* Hướng dẫn chung:

Giáo viên khi chấm bài lưu ý đọc kỹ, chấm cẩn thận, không đếm ý cho điểm mà cần cân nhắc tổng thể bài làm theo từng câu của đề để cho điểm chung.

Hướng dẫn sau đây chỉ mang tính định hướng, gợi ý, nêu những yêu cầu chung, không đi vào chi tiết. Tổ chấm bài cần thảo luận kỹ yêu cầu, vận dụng biểu điểm để có thống nhất chung trước khi chấm. Cần lưu ý những điểm sau:

- Trong từng phần, tùy vào thực tế bài làm của học sinh, giáo viên xem xét để trừ điểm về các lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, trình bày ... sao cho phù hợp.
- Giáo viên cần vận dụng đáp án và biểu điểm một cách linh hoạt; căn cứ tình hình thực tế bài làm của học sinh để đánh giá cho điểm hợp lý; trân trọng và đánh giá cao những suy nghĩ sáng tạo của học sinh.

* Đáp án và biểu điểm:

Câu 1: Học sinh trả lời được:

Dấu hai chấm được dùng để:

- Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó; (0,5đ)
- Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang) (0,5đ)

Câu 2: Chiếc lá đó xứng đáng được coi là một kiệt tác (0,5đ)

Vì:

- Nó được vẽ trong một hoàn cảnh rất đặc biệt mà lại sinh động giống như thật -> Thể hiện một tài năng lớn. (0,25đ)
- Nó có giá trị nhân sinh: Cứu sống một mạng người. (0,25đ)

Câu 3: Yêu cầu chung:

- Làm đúng kiểu bài văn thuyết minh
- HS có thể lựa chọn bất cứ một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt nào mà mình hiểu biết nhất, gần gũi nhất để thuyết minh. Nhưng phải cung cấp được những tri thức khách quan, xác thực về đối tượng cần thuyết minh. (Ví dụ: Chiếc phích nước, chiếc mâm, quạt điện., chiếc nón bảo hiểm, chiếc cặp sách, cây bút bi,...)
- Cách trình bày cần ngắn gọn, rõ ràng, nêu bật được những đặc điểm tiêu biểu của đối tượng
- Ngôn ngữ phải chính xác, diễn đạt mạch lạc. Bài viết sử dụng đan xen, linh hoạt các phương pháp thuyết minh.

a. Mở bài: (0,5đ)

Dẫn dắt, giới thiệu khái quát về vai trò của đồ dùng sinh hoạt mà mình thuyết minh đối với con người nói chung.

(Cũng có thể mở bài bằng cách xây dựng một tình huống qua đó thể hiện vai trò của đồ dùng sinh hoạt đó đối với gia đình mình đồng thời gợi dẫn người đọc chú ý vào đối tượng)

b. Thân bài: (4,0đ)

Lần lượt giới thiệu những tri thức khách quan về đối tượng

Nguồn gốc, phân loại: Xuất hiện từ bao giờ? Ở đâu? Chia làm mấy loại? Căn cứ vào tiêu chí nào? (1.0)

Thuyết minh về đặc điểm cấu tạo của đối tượng: (2.0 đ)

- Hình dáng bên ngoài: màu sắc, kiểu dáng, chất liệu.....
- Cấu tạo bên trong: gồm những bộ phận nào? Đặc điểm công dụng của từng bộ phận?

Vai trò ý nghĩa của đồ đó đối với bản thân và với mọi người (0.5 đ)

Cách sử dụng đồ dùng đó đó ra sao? Để dùng được lâu và hiệu quả thì cần bảo quản nó như thế nào? (0.5 đ)

c. Kết bài: (0,5đ)

Tình cảm của em với đồ vật thuyết minh như thế nào? (Niềm tự hào, gắn bó)

Suy nghĩ về tương lai, thể hiện niềm tin ...

ĐỀ SỐ 4

A. Phần Văn - Tiếng Việt: (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm): Nêu nội dung của đoạn trích "Trong lòng mẹ" của nhà văn Nguyên Hồng?

Câu 2: (1 điểm): Qua văn bản "Chiếc lá cuối cùng" của O.Hen ry, tại sao nói chiếc lá cụ Bơ - men vẽ được coi là một kiệt tác?

Câu 3: (1 điểm): Câu ghép là gì? Cho ví dụ và phân tích quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép đó?

Câu 4: (1 điểm): Nêu công dụng của dấu ngoặc kép?

B. Phần Tập làm văn: (6 điểm)

Câu 5: Giới thiệu về một vật dụng trong gia đình.

Đáp án

Câu 1 (1đ) Nêu nội dung đoạn trích "Trong lòng mẹ"

- Kể lại một cách chân thực, cảm động những cay đắng tủi cực cùng tình yêu thương mãnh liệt của nhà văn đối với người mẹ bất hạnh khi gặp lại mẹ.

Câu 2 (1đ) Chiếc lá cụ Bơ-men vẽ là một kiệt tác vì:

- Lá vẽ rất giống thật
- Nhờ nó mà giôn – xi được hồi phục
- Vẽ bằng lòng yêu thương bao la và sự hi sinh cao thượng của con người.

Câu 3 (1đ) Nêu đúng định nghĩa câu ghép

- Câu ghép là câu do hai kết cấu chủ vị trở lên không bao chứa nhau tạo thành, mỗi kết cấu chủ vị được gọi là một vế câu.
- Cho ví dụ đúng và xác định đúng quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép đó.

Câu 4 (1đ) Nêu được công dụng của dấu ngoặc kép:

- Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp;
- Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai
- Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san được dẫn.

Câu 5 (6đ)

* Yêu cầu chung:

- Học sinh biết viết đúng đặc trưng kiểu bài văn thuyết minh.
- Bài văn trình bày mạch lạc, rõ ràng. Diễn đạt trôi chảy, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp thông thường; chữ viết cẩn thận, sạch đẹp.

* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có nhiều cách viết khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

a/ Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về đồ dùng
- Cảm xúc chung.

b/ Thân bài:

- Nêu đặc điểm, cấu tạo, công dụng của vật dụng ấy.
- Cách sử dụng và bảo quản.
- Vai trò trong cuộc sống.

c/ Kết bài:

Nêu cảm nghĩ của em về vật dụng đó (ở hiện tại và tương lai).

ĐỀ SỐ 5

Câu 1: (1 điểm) Nêu ý nghĩa của văn bản "*Ôn dịch, thuốc lá*".

Câu 2: (3 điểm)

a. Câu ghép là gì?

b. Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu vừa tìm được?

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương...

(Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)

Câu 3: (6 điểm) Thuyết minh về một đồ dùng học tập.

Đáp án

Câu 1. Ý nghĩa của văn bản "*Ôn dịch, thuốc lá*": với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người ngăn ngừa tệ nạn hút thuốc lá. (1 điểm)

Câu 2. Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. (1 điểm)

- Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thẳm, biển xanh thẳm như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. (1 điểm)
- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện - kết quả. (1 điểm)

Câu 3.

1. Yêu cầu chung: (1 điểm)

a. Hình thức: GV chấm linh động ở các phần nếu đảm bảo các yêu cầu sau:

- Bài làm sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả, câu văn đúng ngữ pháp.
- Biết chọn lọc và sử dụng từ ngữ một cách chính xác. Biết cách sắp xếp ý, đoạn, bố cục bài hợp lí. Diễn đạt mạch lạc, lô gíc, có tính liên kết.

b. Nội dung:

- Làm đúng kiểu đề văn thuyết minh.
- Có sự lựa chọn và sử dụng hợp lí các phương pháp thuyết minh đã học.

2. Yêu cầu cụ thể: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

a. Mở bài:

Giới thiệu chung về đồ dùng học tập (bút, thước, cặp,...). (0,5 điểm)

b. Thân bài: Tập trung thuyết minh về đồ dùng học tập đó:

- Nguồn gốc, hình dáng, màu sắc, chất liệu, cấu tạo... (1,5 điểm)
- Đặc điểm, công dụng của đồ dùng đó... (1,5 điểm)

c. Kết bài:

Suy nghĩ của em về đồ dùng học tập. (0,5 điểm)

Lưu ý: Trên đây là những định hướng mang tính chất khái quát. Trong quá trình chấm, giáo viên cần căn cứ vào tình hình bài làm cụ thể của học sinh để đánh giá phù hợp, tôn trọng sự sáng tạo của các em.

ĐỀ SỐ 6

I. Phần đọc - hiểu (4 điểm)

Câu 1. Nhận xét sau đây đúng với tác giả nào: *"Ông là nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và tri thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ"*

A. Ngô Tất Tố
D. Thạch Lam

B. Nam Cao

C. Nguyên Hồng

Câu 2. Câu văn: *"Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi!"* Là lời của ai:

A. Cửa người hàng xóm

B. Cửa ông Giáo

C. Cửa Bình Tư

D. Cửa vợ ông Giáo

Câu 3. Từ nào có nghĩa bao hàm phạm vi nghĩa của các từ sau đây:

học sinh, sinh viên, giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, luật sư, nông dân...

A. Con người.

C. Nghề nghiệp.

B. Môn học.

D. Tính cách.

Câu 4. Qua cái chết của cô bé bán diêm, nhà văn An - đéc - xen muốn nói lên điều gì?

A. Ước mơ về một cuộc sống hạnh phúc đầy đủ.

B. Số phận bất hạnh của những con người nghèo khổ.

C. Lên án một xã hội thiếu tình yêu thương.

D. Số phận bất hạnh của những con người nghèo khổ và sự thờ ơ của xã hội đối với nỗi bất hạnh của họ.

Câu 5. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, vì thế vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học. Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. Cuối cùng ông trả lại mũ áo cho triều đình, từ quan về làng.

Học trò của ông, từ người làm qua to tới những người bình thường, khi có dịp thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.

Khi ông mất, mọi người đều thương tiếc. Ông được thờ tại Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long.

1. Hãy xác định bố cục của văn bản trên ? (0,5đ)

2. Dựa vào nội dung câu truyện hãy đặt tên cho văn bản. (0,5đ)

3. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn: "*Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe.*" (0,25đ)

Câu 6. (2 điểm)

Viết một đoạn văn 8 đến 10 câu trình bày cảm nghĩ của em về người thầy trong văn bản trên. Trong đoạn văn có sử dụng một số từ thuộc trường từ vựng chỉ phẩm chất tính cách. Gạch chân các từ đó.

II. Phần tạo lập văn bản. (5 điểm)

Thuyết minh về một đồ dùng học tập mà gần gũi với em nhất.

Đáp án

Câu 1 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án B
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 2 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án B
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 3 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án C
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 4 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án D
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 5. (2 điểm)

Ý a.

- Mức tối đa: Chỉ ra được bố cục ba phần chính xác qua việc xác định các ranh giới...(0,5đ)
- Mức chưa tối đa: Nêu được bố cục 3 phần mà không chỉ ra (0,25đ)
- Mức không đạt: Lựa chọn cách trả lời không đúng hoặc không trả lời

Ý b.

- Mức tối đa: Đặt tiêu đề phù hợp với nội dung nhưng chưa hay (0,5đ)

Học sinh đặt được tiêu đề hay, phù hợp với nội dung, sáng tạo (0,5đ)

VD: Người thầy đạo cao đức trọng, Chu Văn An - người thầy mẫu mực...

- Mức chưa tối đa: Đặt tiêu đề phù hợp với nội dung nhưng chưa hay (0,25đ)

- Mức không đạt: Không trả lời hoặc trả lời không đúng

Ý c.

- Mức tối đa: Học sinh xác định và phân tích được cấu tạo ngữ pháp

Ông/ nhiều lần can ngăn (nhưng) vua / không nghe." (0,25đ)

CN VN CN VN (Câu ghép)

- Mức không đạt: Không trả lời hoặc trả lời không đúng

Câu 6.

Tiêu chí đánh giá	Điểm giỏi (1,75 > 2đ)	Điểm khá (1 > 1,5đ)	Điểm TB (0,5 > 1đ)	Điểm yếu (0 > < 0,5đ)
Hình thức, kỹ năng (0,5đ)	- Đúng hình thức đoạn văn, chữ viết sạch đẹp, không mắc quá 2 lỗi các loại, dung lượng hợp lý. - Dựng đoạn và liên kết đoạn tốt, mạch lạc	- Đúng hình thức đoạn văn, chữ viết sạch đẹp, không mắc quá 3 lỗi các loại, dung lượng hợp lý. - Dựng đoạn và liên kết đoạn tốt, mắc vài lỗi diễn đạt	- Đúng hình thức đoạn văn, chữ xấu, mắc vài lỗi - Hình thức đoạn không rõ, diễn đạt kém	- Không đúng hình thức đoạn, chữ xấu, mắc nhiều lỗi, viết được vài câu...

Nội dung (1,đ) (0,5đ)	- Cảm nhận được thầy giáo Chu Văn An là người thầy đạo cao đức trọng, người thầy mẫu mực vừa tài giỏi, vừa đức độ, thanh bạch và tiết tháo, hết lòng vì nước vì dân. Ông là một trong số rất ít bậc hiền nho được thờ ở Văn Miếu - Thể hiện tình cảm yêu mến, kính trọng, phát huy tinh thần hiếu học của dân tộc - Sử dụng được 2 từ cùng trường từ vựng chỉ phẩm chất tính cách. Gạch chân..	- Cảm nhận được những phẩm chất cao đẹp của thầy Chu Văn An song nội dung chưa thật đầy đủ - Sử dụng được 2 từ cùng trường từ vựng trở lại chỉ phẩm chất tính cách. Gạch chân..	- Cảm nhận được những phẩm chất cao đẹp của thầy Chu Văn An song nội dung còn sơ sài	- Chưa cảm nhận được những phẩm chất cao đẹp của thầy giáo Chu Văn An.
--	--	--	---	---

II. Phần tạo lập văn bản. (6 điểm)

Hình thức, kĩ năng (1,0đ)

- Mức tối đa:
Tạo được bố cục khoa học, chữ viết sạch đẹp, mắc không quá 3 lỗi các loại.
Biết làm một bài văn thuyết minh theo yêu cầu của đề
Sử dụng các phương pháp thuyết minh hợp lý, có hiệu quả.
Dung lượng hợp lý.
- Mức chưa tối đa: HS chưa hoàn thiện bố cục bài viết (ví dụ thiếu kết bài) hoặc các ý trong phần thân bài chưa chia tách hợp lý hoặc chữ viết xấu, không rõ ràng, mắc nhiều lỗi chính tả.
- Mức không đạt: Không trả lời hoặc trả lời không đúng

Nội dung (4,5đ)

1. Mở bài (0,5 điểm)

- Mức tối đa: HS biết giới thiệu chung về đồ dùng học tập một cách hấp dẫn, ấn tượng, có sự sáng tạo
- Mức chưa tối đa (0,25): HS biết giới thiệu chung về đồ dùng học tập phù hợp nhưng chưa hay, còn mắc lỗi về diễn đạt, dùng từ
- Không đạt: Lạc đề, mở bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản về các kiến thức đưa ra, hoặc không có mở bài

2. Thân bài (3,5 điểm)

- Mức tối đa:
Đặc điểm và cấu tạo của đồ dùng học tập (2,0 điểm)
Hình dạng
Màu sắc
Cấu tạo của từng phần
Tác dụng của từng phần
Giới thiệu về tác dụng và lợi ích của đồ dùng học tập đó
Phân loại
Cách sử dụng và bảo quản đồ dùng học tập của mình
- Mức chưa tối đa (1,5 điểm): Chỉ đảm bảo được một trong số các nội dung trên
- Không đạt: Không làm bài hoặc lạc đề

3. Kết bài (0,5 điểm)

- Mức tối đa: Khẳng định về vị trí của đồ dùng học tập đối với người học sinh trong hiện tại và tương lai
- Mức chưa tối đa (0,25 điểm): Khẳng định về vị trí của đồ dùng học tập trong hiện tại và tương lai chưa sáng tạo, hoặc chưa đưa ra được bài học với mỗi người
- Không đạt: Kết bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản về các kiến thức đưa ra hoặc không có kết bài

* Sáng tạo: Thương điểm cho bài viết sáng tạo, có ý tưởng hay, độc đáo, phù hợp (0,5đ)

ĐỀ SỐ 7

I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm, 12 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm).

Trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào một chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Nhận xét nào sau đây không đúng với văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố?

- A. Có giá trị châm biếm sâu sắc
- B. Có tình huống kịch tính cao
- C. Có nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo
- D. Có giá trị hiện thực sâu sắc

2. Văn bản “*Thông tin về ngày trái đất năm 2000*” chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Thuyết minh
- D. Biểu cảm

3. Đoạn trích “Đánh nhau với cối xay gió” được kể bằng lời kể của ai?

- A. Đôn Ki - hô – tê
- B. Xéc – van - tết
- C. Xan – chô Pan – xa
- D. Người chứng kiến

4. Tác phẩm “*Lão Hạc*” được viết theo thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết
- B. Truyện dài
- C. Truyện vừa
- D. Truyện ngắn

5. Từ ngữ nào dưới đây không mang nghĩa “thuốc chữa bệnh”?

- A. Thuốc kháng sinh
- B. Thuốc tẩy giun
- C. Thuốc lão
- D. Thuốc ho

6. Những từ: “*trao đổi, buôn bán, sản xuất*” được sắp xếp vào trường từ vựng nào?

A. Hoạt động kinh tế

B. Hoạt động chính trị

C. Hoạt động văn hoá

D. Hoạt động xã hội

7. Câu nào dưới đây sử dụng cách nói giảm, nói tránh?

A. Đạo này trông anh không được hồng hào lắm!

B. Nó đang ngủ ngon lành thật!

C. Đạo này nó lười học quá!

D. Cô ấy xinh quá nhỉ!

8. Câu ca dao nào dưới đây sử dụng biện pháp nói quá?

A. Chẳng tham nhà ngói ba toà

Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành.

B. Làm trai cho đáng nên trai

Khom lưng gánh đỡ những hai hạt vùng.

C. Hời cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

D. Miệng cười như thể hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

9. Câu nào dưới đây không sử dụng tình thái từ?

A. Những tên khổng lồ nào cơ?

B. Tôi đã chẳng bảo ngài cẩn thận đấy ư?

C. Giúp tôi với, lạy Chúa!

D. Nếu vậy, tôi chẳng biết trả lời ra sao.

10. Hai câu đơn: "*Mẹ đi làm. Em đi học*" được biến đổi thành một câu ghép. Câu ghép nào dưới đây không hợp lý về mặt ý nghĩa?

A. Mẹ đi làm còn em đi học.

B. Mẹ đi làm nhưng em đi học.

C. Mẹ đi làm, em đi học.

D. Mẹ đi làm và em đi học.

11. Dấu hai chấm trong câu: "*Cảnh vật xung quanh tôi đều thay đổi và chính lòng tôi cũng đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.*" (trích Tôi đi học – Thanh Tịnh) có tác dụng gì?

A. Đánh dấu, báo trước phần bổ sung cho phần trước

B. Đánh dấu, báo trước lời dẫn trực tiếp

C. Đánh dấu, báo trước phần giải thích cho phần trước

D. Đánh dấu, báo trước lời đối thoại

12. Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng hình?

A. Là những từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật

B. Là những từ gợi tả bản chất của sự vật

C. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật

D. Là những từ miêu tả tính cách của con người

II. Tự luận (7 điểm, 2 câu)

- Viết đoạn văn giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Ngô Tất Tố. (2 điểm).
- Kể về một tấm gương vượt lên chính mình. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 8

I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm, 12 câu, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm).

Đọc kỹ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào một chữ cái trước câu trả lời đúng.

“Khi trời vừa hừng sáng thì Giôn – xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo màn lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn – xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang khuấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

“Em thật là con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi !”, Giôn – xi nói: “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng...”

(SGK Ngữ văn 8, tập 1, trang 88)

1. Đoạn trích trên thuộc văn bản nào?

- A. Cô bé bán diêm
- B. Hai cây phong
- C. Đánh nhau với cối xay gió
- D. Chiếc lá cuối cùng

2. Tác giả của văn bản ấy là ai?

- A. Ai – ma – tốp
- B. O. Hen – ri
- C. Xéc – van – tét
- D. An – đéc – xen

3. Văn bản chứa đoạn trích thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngắn

B. Hồi ký

C. Tiểu thuyết

D. Phóng sự

4. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

A. Biểu cảm

B. Nghị luận

C. Tự sự

D. Miêu tả

5. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Tình yêu mãnh liệt của Xiu với Giôn – xi

B. Tình yêu mãnh liệt của Giôn – xi với cuộc sống

C. Tâm trạng chán chường của Giôn xi

D. Sự thức tỉnh và niềm tin vào cuộc sống của Giôn – xi

6. Câu văn: "Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó." thuộc loại câu gì ?

A. Câu đơn

B. Câu đặc biệt

C. Câu ghép chính phụ

D. Câu ghép đẳng lập

7. Từ "oi" trong câu: "*Em thật là con bé hư, chị Xiu thân yêu oi!*" thuộc loại từ nào?

A. Tình thái từ

B. Trợ từ

C. Thán từ

D. Phó từ

8. Dấu ngoặc kép trong câu: *"Em thật là con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi !"* dùng để làm gì ?

- A. Đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp
- B. Đánh dấu từ ngữ có hàm ý mỉa mai
- C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm ý đặc biệt
- D. Đánh dấu lời thoại của nhân vật

9. Các từ: *"tàn nhẫn, độc ác, lạnh lùng"* thuộc trường từ vựng nào dưới đây?

- A. Chỉ bản chất con người
- B. Chỉ tâm hồn con người
- C. Chỉ tâm trạng con người
- D. Chỉ đạo đức của con người

10. Nghĩa của từ *"tàn nhẫn"* là gì?

- A. Hay nói xấu, làm hại đến người khác
- B. Lạnh lùng, cay nghiệt đối với người khác
- C. Độc ác quá mức gây đau khổ tai hại với người khác
- D. Ích kỷ, không biết yêu thương người khác

11. Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng hình?

- A. Là những từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật
- B. Là những từ gợi tả bản chất của sự vật
- C. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật
- D. Là những từ miêu tả tính cách của con người

12. Câu văn: "*Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.*" sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nói quá
- B. Nói giảm, nói tránh
- C. Chơi chữ
- D. Ẩn dụ

II. Tự luận (7 điểm, 1 câu)

Hãy viết một bài văn giới thiệu về ngôi trường thân yêu của em.

ĐỀ SỐ 9

I. PHÂN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án của câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" được làm theo thể thơ gì?

- a. Thất ngôn bát cú
- b. Thất ngôn tứ tuyệt
- c. Lục bát
- d. Song thất lục bát

Câu 2: Trong các văn bản sau, văn bản nào là văn bản nhật dụng?

- a. Tôi đi học.
- b. Hai cây phong.
- c. Cô bé bán diêm.
- d. Ôn dịch, thuốc lá.

Câu 3: Các từ **lưới**, **nơm**, **câu**, **vó** thuộc trường từ vựng nào?

- a. Dụng cụ để đựng
- b. Dụng cụ đánh bắt thủy sản
- c. Dụng cụ học tập
- d. Dụng cụ nấu nướng.

Câu 4: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép?

- a. Mẹ về khiến cả nhà đều vui. c. Chị quay đi và không nói nữa
- b. Con bò đang gặm cỏ d. Đêm càng khuya càng lạnh.

Câu 5: Dấu ngoặc đơn dùng để?

- a. Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.
- b. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.
- c. Đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung).
- d. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

Câu 6: Nối cột A và B sao cho phù hợp và điền kết quả vào cột C.

A	B	C
1. Trợ từ	a. là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán ...	1
2. Thán từ	b. là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.	2
3. Tình thái từ	c. là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.	3.....
	d. là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc.	

II. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

- a. Câu ghép là gì?
- b. Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu?

"...Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương..."

(Theo Vũ Tú Nam, *Biển đẹp*)

Câu 2: (1 điểm) Nêu ý nghĩa của văn bản "Ôn dịch, thuốc lá".

Câu 3: (5 điểm) Thuyết minh về cái phích nước.

Đáp án

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Học sinh trả lời đúng một câu cho 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6		
Đáp án	a	D	b	a	c	1d	2c	3a

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. (1 điểm)
- Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thăm, biển xanh thăm như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. (0,5 điểm)
- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện-kết quả (0,5 điểm)

Câu 2 (1 điểm)

Ý nghĩa của văn bản "Ôn dịch, thuốc lá": với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người ngăn ngừa tệ nạn hút thuốc lá.

Câu 3 (5 điểm)

*** Yêu cầu chung:**

a. Hình thức:

- Bài viết có đầy đủ bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- Chữ viết đẹp, đúng ngữ pháp. Trình bày sạch sẽ.
- Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy.

b. Nội dung: Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài thuyết minh.

*** Yêu cầu cụ thể.**

a. Mở bài: Giới thiệu cái phích nước là thứ đồ dùng thường có trong mỗi gia đình và công dụng của nó. (0,5 điểm)

b. Thân bài: (4 điểm)

- Nguồn gốc.
- Cấu tạo.
- Tác dụng.
- Cách giữ gìn và bảo quản.

c. Kết bài: Khẳng định vai trò của cái phích nước đối với đời sống chúng ta. (0,5 điểm)

ĐỀ SỐ 10

Câu 1: (2 điểm) Thế nào là từ tượng hình? từ tượng thanh?

Xác định từ tượng hình và từ tượng thanh trong đoạn trích sau:

"Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc..."

Câu 2: (1 điểm) Kết thúc truyện: "Chiếc lá cuối cùng" của O. Hen-ri, Xiu đã nói với Giôn- xi: "Đó là kiệt tác của bác Bơ-men"

Theo em, chiếc lá cuối cùng ấy có xứng đáng là một kiệt tác hay không? Vì sao?

Câu 3: (7 điểm) Viết một bài văn thuyết minh về chiếc phích nước (Bình thủy).

Đáp án

Câu 1: Học sinh nêu đúng khái niệm từ tượng hình, từ tượng thanh

Từ tượng hình và từ tượng thanh trong đoạn trích: (Mỗi từ 0,25 đ)

- Từ tượng hình: Co rúm, ngoẹo, móm mém.
- Từ tượng thanh: Hu hu

Câu 2: Chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác, vì:

- Nó được vẽ trong một hoàn cảnh rất đặc biệt mà lại sinh động giống như thật-> Thể hiện một tài năng lớn. (0,5đ)
- Nó có giá trị nhân sinh: Cứu sống một mạng người. (0,5đ)

Câu 3:

Mở bài: Giới thiệu được cái phích nước (bình thủy) là đồ dùng thường có trong mỗi gia đình, ai cũng biết đó là đồ dùng thông dụng. (0,5đ)

Thân bài: Học sinh cần trình bày được những nội dung sau:

- Lịch sử ra đời và phát triển của chiếc phích nước được Duwur nhà vật lí học người Scotland phát minh vào năm 1892. (0,5đ)

- Cấu tạo của chiếc phích gồm hai bộ phận: ruột phích và vỏ phích (0,5đ)

Bộ phận quan trọng nhất của phích nước là ruột phích được cấu tạo bằng hai lớp thủy tinh, ở giữa là lớp chân không có tác dụng làm mất khả năng truyền nhiệt ra ngoài khi đựng nước, phía trong được tráng bạc nhằm hấp nhiệt trở lại để giữ nhiệt, phích hình trụ tròn miệng nhỏ có tác dụng làm giảm khả năng truyền nhiệt ra ngoài (1,5đ)

Vỏ phích hình trụ tròn có tác dụng bảo vệ ruột phích, thường được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như: kim loại, nhựa với đủ màu sắc... ngoài ra còn có quai, nắp phích giúp di chuyển, sử dụng được dễ dàng (1,0đ)

- Hiệu quả giữ nhiệt của phích trong vòng 6 tiếng đồng hồ nước từ 100 độ C còn được 70 độ C (0,5đ)
- Tác dụng, vai trò của phích nước trong đời sống hằng ngày trong mỗi gia đình như: pha trà, pha sữa... (0,5đ)
- Sử dụng và bảo quản như thế nào để cho phích được bền lâu... (0,5đ)
- Các hãng sản xuất phích nổi tiếng mà hiện nay em biết: Bình Tây, Rạng Đông... (0,5đ)

Kết bài: Phích nước rất tiện dụng, gắn liền với sinh hoạt đời sống gia đình. (0,5đ)

ĐỀ SỐ 10

Cho đoạn trích sau:

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

(Ngữ văn 8, tập một)

Câu 1. (2 điểm)

- a. Hãy cho biết đoạn trích trên trích từ văn bản nào, do ai sáng tác?
- b. Nêu ý nghĩa của văn bản đó?

Câu 2. (1 điểm) Xác định từ tượng hình và từ tượng thanh có trong đoạn trích trên và cho biết tác dụng của các từ tượng hình, từ tượng thanh đó.

Câu 3. (2 điểm) Sau khi học xong văn bản "*Thông tin về ngày trái đất năm 2000*" em hãy viết một đoạn văn (trình bày theo cách diễn dịch hoặc quy nạp) nêu lên những hành động cụ thể của bản thân góp phần bảo vệ môi trường sống.

Câu 4. (5 điểm). Hãy kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích.

Đáp án

Câu 1:

- a. Văn bản Lão Hạc; Tác giả: Nam Cao (1,0đ)
- b. Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không thể bị hoen ố cho dù phải sống trong cảnh khốn cùng. (1,0đ)

Câu 2:

- a) Từ tượng hình: móm mém; từ tượng thanh hu hu (0,5đ)
- b) Tác dụng: Gọi hình ảnh, âm thanh, cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao (0,5đ)

Hoặc học sinh nêu được ý: Từ tượng hình và từ tượng thanh trên có tác dụng miêu tả ngoại hình và tâm trạng đau đớn và ân hận của lão Hạc khi bán chó thì giáo viên cũng cho điểm tối đa

Câu 3: (2,0đ)

Yêu cầu:

- Nội dung: Nêu lên những hành động cụ thể của bản thân góp phần bảo vệ môi trường sống.
- Hình thức: HS viết được đoạn văn theo lối diễn dịch hoặc qui nạp

- Có câu chủ đề, viết câu đúng ngữ pháp, diễn đạt ý mạch lạc.

* Chú ý: Nếu HS viết không có câu chủ đề: - 0,5 điểm, viết hơn một đoạn - 0,5 điểm

Câu 4:**1. Về kĩ năng:**

- Biết làm bài văn tự sự: cốt truyện, tình tiết, diễn biến...hợp lí ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Viết được bài văn tự có kết hợp miêu tả, biểu cảm phù hợp.

2. Bài làm có thể bằng nhiều cách, miễn sao đáp ứng được yêu cầu của đề bài**Nội dung:**

Mở bài: Giới thiệu kỉ niệm em sẽ kể (0,5đ)

Thân bài: Tập trung kể lại rõ nguyên nhân, diễn biến, kết thúc câu chuyện. (3đ)

Khi kể phải kết hợp miêu tả, biểu cảm thích hợp:

- Miêu tả: Diễn biến sự việc, hành vi của con vật, của bản thân em? (0,5đ)
- Biểu cảm: Suy nghĩ, cảm xúc của em đối với con vật nuôi (tình cảm chân thực) (0,5đ).

Kết bài: Bài học rút ra cho bản thân. (0,5đ)

* Lưu ý: Giáo viên chỉ cho điểm tối đa với những bài sạch đẹp, sáng tạo và rất ít lỗi chính tả. Học sinh sai 4 lỗi chính tả trừ 0,25 điểm nhưng không trừ quá 0,5 điểm.

ĐỀ SỐ 11

Câu 1 (2,0 điểm).

a) Nói quá là gì? Em hãy nêu tác dụng của nói quá?

b) Chỉ ra biện pháp nói quá trong bài ca dao sau và phân tích tác dụng:

*Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy.
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.*

Câu 2 (3,0 điểm).

- Chép theo trí nhớ bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn", cho biết tác giả của bài thơ?
- Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?
- Viết một đoạn văn ngắn nêu nội dung và nghệ thuật của bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn"

Câu 3 (5,0 điểm).

Thuyết minh về một loại đồ dùng học tập của em (bút máy, bút bi, cặp sách, bàn học, đèn học...)

Đáp án

Câu 1 (2 điểm)

a. Khái niệm: Nói quá là một biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng

Tác dụng của nói quá: để nhấn mạnh, gây ấn tượng và tăng sức biểu cảm cho sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu.

b. Biện pháp nói quá có trong bài ca dao trên:

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Tác dụng:

- Phóng đại mức độ, tính chất của sự việc nhằm mục đích nhấn mạnh sự vất vả, khó nhọc của người nông dân trong việc sản xuất để làm ra hạt gạo.
- Qua đó nhắc nhở mỗi chúng ta khi được thừa hưởng thành quả lao động của người khác, cần phải biết trân trọng giá trị lao động, nhớ ơn, biết ơn đến những người làm ra thành quả mà ta hưởng thụ.

* Lưu ý: HS phải trình bày thành đoạn văn, nếu không viết thành đoạn văn thì trừ 0,25 điểm

Câu 2 (3 điểm)

a. Chép lại chính xác bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" (như SGK Ngữ Văn 8, tập 1, trang 148,149)

Lưu ý: Sai 1 lỗi trừ 0,25 điểm

Tác giả: Phan Châu Trinh

b. Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ được tác giả viết trong những ngày đầu bị đày ra Côn Lôn - tức Côn Đảo - nơi thực dân Pháp lập nhà tù giam cầm những chiến sĩ yêu nước và cách mạng

c. Về kĩ năng: Viết đúng hình thức một đoạn văn, diễn đạt rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ.

Về nội dung: Nêu được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn":

- Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật; bút pháp lãng mạn; giọng điệu hào hùng; thủ pháp đối lập, khoa trương...
- Nội dung: Bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" giúp ta cảm nhận một hình tượng đẹp,凛冽, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí.

(HS có thể diễn đạt theo những cách khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa. GV cần căn cứ vào thang điểm từng phần để chấm cho phù hợp)

Câu 3 (5 điểm)**I. Yêu cầu về kĩ năng:**

- Làm đúng kiểu bài: thuyết minh về một đồ vật
- Đối tượng biểu cảm: thuyết minh về một thứ đồ dùng học tập (Học sinh chỉ chọn một loại đồ dùng học tập để thuyết minh, có thể chọn: bút máy, bút bi, cặp sách, bàn học, đèn học, thước kẻ, compa, hộp bút...)
- Bài viết hoàn chỉnh, có đủ ba phần, bố cục mạch lạc.
- Biết vận dụng các phương pháp thuyết minh và một số phương thức biểu đạt để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh.
- Không mắc các loại lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp thông thường.
- Trình bày sạch đẹp.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau:

a. Mở bài: Giới thiệu về đồ dùng học tập và sự gắn bó của em với đồ dùng học tập đó.

b. Thân bài:

- Giới thiệu về nguồn gốc, xuất xứ của đồ dùng học tập
- Trình bày đặc điểm, cấu tạo của đồ dùng học tập
- Trình bày công dụng của đồ dùng học tập
- Cách sử dụng và bảo quản...

c. Kết bài:

- Nhấn mạnh tầm quan trọng của đồ dùng học tập đó trong cuộc sống nói chung và với em nói riêng. Bộc lộ tình cảm của người viết đồ dùng học tập đó.

*** Biểu điểm cụ thể:**

- Điểm 5: Bài viết đảm bảo các yêu cầu trên, diễn đạt lưu loát, biết vận dụng các phương pháp thuyết minh phù hợp, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, có sự sáng tạo.
- Điểm 3 – 4: Bài viết đảm bảo phần lớn các yêu cầu trên, có vận dụng các phương pháp thuyết minh, còn mắc một số lỗi chính tả và diễn đạt nhưng không nhiều.
- Điểm 2 – 2,5: Đảm bảo yêu cầu về thể loại và bố cục, nội dung còn thiếu nhiều, chưa biết vận dụng các phương pháp thuyết minh, sắp xếp ý chưa thật hợp lý. Còn mắc lỗi chính tả và dùng từ nhưng không nhiều.
- Điểm 1- 1,5: Bài viết sơ sài, chưa làm rõ đặc điểm của đối tượng thuyết minh. Chữ viết xấu, còn mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi diễn đạt
- Điểm 0: Lạc đề hoàn toàn hoặc không làm bài.

Lưu ý:

- Đây chỉ là gợi ý đáp án. Người chấm cần căn cứ vào bài làm cụ thể và mức độ chung của HS để vận dụng linh hoạt và cho điểm sát đối tượng.
- Trường hợp HS không thuyết minh về loại đồ dùng học tập mà thuyết minh về một đồ vật khác hoặc viết sai thể loại thì tối đa chỉ được 2,0 điểm.

ĐỀ SỐ 12

I./ PHẦN VĂN VÀ TIẾNG VIỆT: (4,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm).

a/ Văn bản "Trong lòng mẹ" thuộc thể loại gì? Tác giả là ai, em hãy giới thiệu về tác giả đó?

b/ Nhận định sau đây ứng với nội dung văn bản nào?

"Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và những phẩm chất tốt đẹp của họ khi bị chà đạp và họ đã chống trả một cách mạnh mẽ, quyết liệt được thể hiện qua cái nhìn thương cảm và sự tôn trọng của nhà văn".

Câu 2: (1,0 điểm).

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc..."

a/ Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu nội dung chính của đoạn văn.

b/ Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh được sử dụng trong đoạn trích trên và nêu tác dụng.

Câu 3 (1,5 điểm).

Cho câu chủ đề: Tình bạn thật cần thiết với mỗi người.

Em hãy viết một đoạn văn (diễn dịch hoặc quy nạp) từ 7 đến 8 câu. Trong đó có sử dụng ít nhất một trợ từ thán từ (chỉ rõ và nêu tác dụng của trợ từ thán từ đó).

II./ PHẦN TẬP LÀM VĂN: (6,0 điểm)

Em hãy nhập vai Xiu trong truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng" của nhà văn OHen-ri kể lại quá trình hồi sinh của nhân vật Giôn-xi.

Đáp án

I./ PHẦN VĂN VÀ TIẾNG VIỆT: (4,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm).

Ý a (1đ). H/s đảm bảo các ý sau đây.

- Thể loại: Hồi ký.
- Tác giả: Nguyễn Hồng.
- Giới thiệu về t/g:

* Hình thức: H/s viết dưới dạng một đoạn văn

* Nội dung: Đảm bảo được các ý sau:

- Nguyễn Hồng (1918-1982) tiên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Trước CM ông sống chủ yếu ở t.p cảng Hải Phòng trong một xóm lao động nghèo.
- Ngay từ tác phẩm đầu tay, NH đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thấm thiết.
- Sau CM, NH bền bỉ sáng tác, ông viết rất nhiều thể loại như tiểu thuyết, ký, thơ, nổi bật là các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập.
- NH được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về văn học NT (năm 1996)
- Các tác phẩm chính của ông: Bỉ vỏ (TT 1938), Những ngày thơ ấu (hồi ký, 1938), Cửa biển (bộ TT gồm 4 tập từ năm 1961 đến năm 1976)....

Ý b (0,5đ). Văn bản Tức nước vỡ bờ của nhà văn NTT.

Câu 2 (1 điểm).

Ý a (0,5đ). Đoạn văn được trích trong tác phẩm lão Hạc của nhà văn Nam Cao.

- ND chính của đoạn văn: Bộ mặt đau khổ, đáng thương của lão Hạc khi bán cậu Vàng,

Ý b (0,5đ). Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Từ TH móm mém
- Từ TT hu hu
- Tác dụng: Các từ TH, TT làm nổi bật hình ảnh, đáng vẻ của lão Hạc - một lão nông già nua, khắc khổ, đang khóc thương khi lỡ đối xử tệ bạc với cậu Vàng.

Câu 3 (1,5 điểm).

- H.S viết được đoạn văn đúng yêu cầu của đề bài (1đ)

HT: Viết đúng HT đoạn văn.

ND: H.S chọn một trong hai cách để trình bày (diễn dịch hoặc quy nạp) với câu chủ đề cho trước.

- Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 trợ từ, thán từ, chỉ rõ và nêu t.d (0,5đ).

II./ PHẦN TẬP LÀM VĂN: (6,0 điểm).

A. Về hình thức:

- H.s biết làm một bài văn tự sự kết hợp với MT và BC.
- Nhập vai Xiu để kể lại (Xưng tôi ngôi thứ1)
- Bài viết có bố cục chặt chẽ, mạch lạc, có kỹ năng dựng đoạn, liên kết đoạn, hành văn lưu loát, có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố kể, miêu tả và biểu cảm.

B. Về nội dung:

1. Mở bài: Giới thiệu được nhân vật tôi-người kể chuyện (chú ý h.s nhập vai nhân vật Xiu). Nêu được ND cần kể lại.

2. Thân bài:

* Nhân vật Xiu kể lại quá trình hồi sinh của Giôn- xi.

- Xiu giới thiệu về h.c sống và tâm trạng của Giôn-xi khi chờ đợi cái chết.

Xiu giới thiệu được h.c sống của Giôn-xi. (nghề nghiệp, tuổi tác, đặc biệt đang trong tình trạng bệnh tật và nghèo khó, có cụ Bơ-men là hàng xóm và cùng làm nghề họa sĩ)

Tâm trạng của Giôn- xi khi chờ đợi cái chết như thế nào.(chán nản, thần thờ chờ chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi lìa đời)

- Xiu kể về tâm trạng của Giôn-xi khi hồi sinh nhờ chiếc lá cuối cùng mà cụ Bơ-men vẽ (Phần này yêu cầu kể chi tiết).

Khi chiếc lá thường xuân vẫn còn đó trong một đêm mưa tuyết Giôn-xi đã bừng tỉnh và ngắm nhìn nó thật lâu, sau đó cô đã nói với Xiu những gì, cô muốn ăn, làm đẹp và đặc biệt là muốn vẽ: Giôn-xi đã thực sự hồi sinh. Cô đã vượt qua được cái chết, sự sống đã trở lại với Giôn-xi nhờ vào chiếc lá mỏng manh dẻo dai mà chính Giôn-xi đã nhận ra.

Khi bác sĩ đến và khẳng định bệnh tình của Giôn-xi hoàn toàn vượt qua giai đoạn khó khăn

Nhân vật Tôi (Xiu) kể lại cho Giôn- xi nghe về sự hy sinh thầm lặng của cụ Bơ-men và khẳng định chiếc lá cuối cùng của cụ là một kiệt tác (chú ý các chi tiết MT và B.C trong phần này)

3. Kết bài. Nêu được cảm nghĩ về tình bạn trong sáng, về tình yêu thương, sự hy sinh giữa những con người nghèo khổ.

CÁCH CHO ĐIỂM:

- Điểm 5 – 6: H.s biết làm bài văn tự sự kết hợp với các yếu tố MT và BC, đáp ứng hầu hết các yêu cầu trên, còn mắc lỗi nhỏ về diễn đạt.
- Điểm 3,5 - 4,5: H.s đáp ứng được 2/3 yêu cầu trên, còn mắc khoảng 5 lỗi diễn đạt.
- Điểm 2 – 3: H.s đáp ứng được ½ yêu cầu trên, còn tỏ ra lúng túng về kỹ năng làm bài, còn mắc khoảng 10 lỗi diễn đạt.
- Điểm dưới 2: Nội dung sơ sài, mắc nhiều lỗi diễn đạt.
- Điểm 0: Bỏ giấy trắng hoặc viết những gì không liên quan đến đề bài.

ĐỀ SỐ 13

I. Trắc nghiệm khách quan: (2.0 điểm) Chọn phương án đúng nhất trong các câu dưới đây.

Câu 1: Ai là tác giả của bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn"?

- A. Phan Châu Trinh. C. Phan Bội Châu.
- B. Nguyễn Trãi. D. Lí Thường Kiệt.

Câu 2: Trong các văn bản sau, văn bản nào là văn bản nhật dụng?

- A. Lão Hạc. C. Cô bé bán diêm.
B. Hai cây phong. D. Ôn dịch, thuốc lá.

Câu 3: Nhận định nào sau đây nói đúng nhất về nội dung của đoạn trích "Trong lòng mẹ" (Nguyên Hồng)?

- A. Đoạn trích chủ yếu diễn tả nỗi khổ đau của mẹ cậu bé Hồng.
- B. Đoạn trích chủ yếu tố cáo các hủ tục phong kiến.
- C. Đoạn trích chủ yếu trình bày sự hờn tủi và hạnh phúc của cậu bé Hồng khi gặp mẹ.
- D. Đoạn trích chủ yếu diễn tả nỗi khổ đau về vật chất của cậu bé Hồng.

Câu 4: Trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" (Ngô Tất Tố), tác giả chủ yếu miêu tả nhân vật bằng các cách nào?

- ### A. Giới thiệu về nhân vật và các phẩm chất, tính cách của nhân vật

B. Để cho nhân vật tự bộc lộ qua hành vi, giọng nói, điệu bộ

C. Để cho nhân vật này nói về nhân vật kia

D. Không dùng cách nào trong 3 cách nói trên

Câu 5: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép?

A. Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

C. Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi.

B. Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

D. Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Câu 6: Nối cột A và B sao cho phù hợp.

A	B
1. Trợ từ	a. là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán ...
2. Thán từ	b. là tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.
3. Tình thái từ	c. là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.
	d. là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc.

Câu 7: Các từ in đậm trong câu sau thuộc trường từ vựng nào?

"Giá những cô tục đã đầy đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi."

A. Hoạt động của lưỡi.

C. Hoạt động của cổ.

B. Hoạt động của răng.

D. Hoạt động của tay.

Câu 8: Trong văn tự sự:

A. Chỉ cần thêm yếu tố miêu tả.

C. Chỉ cần yếu tố biểu cảm.

B. Chỉ cần có thêm yếu tố nghị luận

D. Cần kết hợp cả ba yếu tố trên.

II. Tự luận: (8.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm): Câu ghép là gì? Chỉ ra quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong các câu ghép dưới đây:

- a. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít.
- b. Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thăng thót và vui sướng, rồi trong tiếng xạc xào không ngớt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia.

Câu 2 (1.5 điểm): Từ truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O.Hen-ri, theo em vì sao chiếc lá cuối cùng được coi là kiệt tác của cụ Bơ-men?

Câu 3: (5.5 điểm) Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.

Đáp án

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (2 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0.5đ

Câu 1:

- Mức tối đa: A
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 2:

- Mức tối đa: D
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 3:

- Mức tối đa: C
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 4:

- Mức tối đa: B
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 5:

- Mức tối đa: A
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 6:

- Mức tối đa: 1-d, 2-c, 3-a
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 7:

- Mức tối đa: B
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Câu 8:

- Mức tối đa: D
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không có câu trả lời.

Phần II. Tự luận (8.0 điểm)**Câu 1 (1,0 điểm)**

* Mức tối đa (1.5 đ): Yêu cầu học sinh cần trình bày được :

- Khái niệm câu ghép: Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. (0.5đ)
- Nêu được các quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong các câu ghép:

a. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: Quan hệ đồng thời. (0.25đ)

b. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: Quan hệ nối tiếp. (0.25đ)

* Mức độ chưa tối đa (0.25 - 1.25 điểm):

HS trả lời nhưng còn thiếu một trong những yêu cầu ở trên. Riêng trình bày sai khái niệm không cho điểm.

* Mức không đạt (0.0 điểm): Không làm bài hoặc lạc đề. (0.0 điểm)

Câu 2 (1.5 điểm):

* Mức tối đa (1.5 điểm): HS cần: Giải thích được ba lí do sau:

- Chiếc lá mang lại giá trị nghệ thuật: giống chiếc lá thật mà con mắt họa sĩ như Giôn-xi và Xiu cũng không nhận ra. (0.5 điểm)
- Chiếc lá mang lại giá trị nhân sinh : vì con người, vì cuộc sống. (0.5 điểm)

- Chiếc lá được đổi bằng cả tính mạng của cụ Bơ-men. (0.5 điểm)
- * Mức độ chưa tối đa (0.5 - 1.0 điểm): HS trả lời thiếu một trong 3 ý trên.
- * Mức không đạt (0.0 điểm): không làm bài hoặc lạc đề.

Câu 3 (5.5 điểm)

- * Mức tối đa (5.5 điểm):

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Đúng kiểu bài văn thuyết minh, các tri thức về chiếc nón lá Việt Nam được trình bày hợp lí, chính xác. Biết sử dụng các phương pháp thuyết minh và yếu tố miêu tả, biểu cảm hợp lí.
- Đảm bảo được bố cục bài làm 3 phần, cân đối.
- Hành văn rõ ràng, khoa học, chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.

b. Yêu cầu về kiến thức:

- * Mở bài:(0.5 điểm): Giới thiệu khái quát được về chiếc nón lá trong đời sống của người dân Việt Nam.

- * Thân bài: (4.5 điểm)

- Thuyết minh được nguồn gốc của chiếc nón lá (1.0 điểm)
- Thuyết minh về đặc điểm cấu tạo, cách làm của chiếc nón lá: (1.5 điểm)

Dáng nón: hình chóp, sườn phẳng

Nguyên liệu và sự chuẩn bị: Để làm được một chiếc nón đẹp, phải tỉ mỉ từ khâu chọn lá, sấy lá, phơi sương, là lá, chọn chỉ cước nhỏ, khuôn, độ tinh xảo trong từng đường kim mũi chỉ

Cách làm: Đặt các vòng tròn theo kích cỡ vào khuôn nón, trải lá...

- Thuyết minh được tác dụng, giá trị: (1.5 điểm) Nón lá với cuộc sống của người Việt Nam:

Nón lá vừa che nắng vừa che mưa là người bạn của con trong cuộc sống hàng ngày, sản xuất, chiến đấu..

Nón lá là món đồ trang sức làm tôn thêm vẻ duyên dáng, dịu dàng vốn có của người con gái xứ Việt ...

Nón còn đi vào đời sống văn hoá nghệ thuật, trong nghệ thuật múa chiếc nón tạo nên một điểm nhấn rất ấn tượng...

Trong đám cưới của người Việt, mẹ chồng đội nón cho nàng dâu đã trở thành phong tục..

Cùng với áo dài trở thành biểu tượng dân tộc...

Ngày nay có rất nhiều kiểu mũ được biến tấu để phù hợp thời trang nhưng chiếc nón vẫn có vẻ đẹp riêng đầy hấp dẫn..

- Thuyết minh cách bảo quản: (0.5 điểm) Dùng xong nên treo, phơi, giặt quai...

* Kết bài (0.5 điểm): Công dụng và sự gắn bó của các đồ vật với con người trong hiện tại và tương lai.

* Mức độ chưa tối đa (0.25 - 4.5 điểm):

- Bài làm khá tốt các yêu cầu trên nhưng sử dụng các biện pháp thuyết minh và yếu tố miêu tả, biểu cảm còn hạn chế...
- Tri thức thuyết minh về chiếc nón còn sơ sài, thiếu tính khoa học, chưa biết sử dụng các phương pháp phù hợp để thuyết minh, chữ xấu, mắc lỗi chính tả.
- Tri thức thuyết minh còn nghèo nàn, thiếu tính khoa học, chưa sử dụng đúng phương pháp thuyết minh...chữ xấu, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi diễn đạt ...

* Mức độ chưa đạt (0.0 điểm): Bài viết lạc đề hoặc không làm bài.

ĐỀ SỐ 14

I. Đọc hiểu văn bản- Tiếng Việt: (5.0 điểm)

Câu 1: Hãy nêu chủ đề của văn bản "Tôi đi học" bằng một câu ngắn gọn (1.0đ).

Câu 2: Tóm tắt đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" bằng một đoạn văn khoảng 4 - 5 dòng. (2.0 đ)

Câu 3: Thế nào là từ ngữ địa phương? Cho 1 ví dụ. (1.0 đ)

Câu 4: Chỉ ra trợ từ, thán từ và tình thái từ trong đoạn trích sau:

"...Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt."

II. Tập làm văn: (5.0 điểm)

Đề: Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến bố mẹ buồn lòng.

Đáp án

I. Đọc hiểu văn bản- Tiếng Việt: (5.0 điểm)

Câu 1: Chủ đề của văn bản "Tôi đi học": Gợi lại kỉ niệm trong sáng mơ màng về buổi tựu trường đầu tiên của nhân vật Tôi (1.0đ)

Câu 2: Tóm tắt đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" bằng một đoạn văn khoảng 4 - 5 dòng đầy đủ, đúng. (2.0 đ)

Câu 3: Nêu được khái niệm thế nào là từ ngữ địa phương(0.5 đ). Cho 1 ví dụ đúng. (0.5 đ)

Câu 4:

- trợ từ: thật là, đến. (0.5 đ)
- thán từ: Chà! (0.25 đ)
- tình thái từ: nhỉ (0.25 đ).

II. Tập làm văn: (5.0 điểm)

Đề: Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến bố mẹ buồn lòng .

1/ Yêu cầu chung:

Nội dung: một lần em mắc khuyết điểm khiến bố mẹ buồn lòng

Thể loại: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm

2/ Yêu cầu cụ thể: Bài làm đảm bảo bố cục 3 phần

a/ Mở bài: Giới thiệu sự việc khiến bố mẹ buồn

b/ Thân bài: Kể diễn biến sự việc:

- Nguyên nhân dẫn đến khuyết điểm
- Suy nghĩ và hành động sai trái dẫn đến khuyết điểm.
- Hậu quả của những khuyết điểm, sai lầm đó.
- Thái độ của bố mẹ em

c/ Kết bài: Cảm nghĩ của bản thân (ân hận và hứa sửa chữa khuyết điểm)

3/ Cách cho điểm:

- Điểm 4,5: bài văn có bố cục rõ ràng, mạch lạc, văn trôi chảy, viết có cảm xúc, đáp ứng được yêu cầu trên
- Điểm 3: đáp ứng được yêu cầu trên, trình bày rõ ràng, mạch lạc, diễn đạt khá trôi chảy có thể mắc vài lỗi chính tả.
- Điểm 1,2 đáp ứng được yêu cầu trên, sắp xếp bố cục hợp lí nhưng chưa mạch lạc, diễn đạt còn lúng túng.
- Điểm 0 – 0,5: bài lạc đề.

ĐỀ SỐ 15

Câu 1: (4,0)

Trong bài thơ "Quê hương", Tế Hanh viết:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.
và
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.

Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.

Câu 2: (6,0)

Đọc kỹ đoạn văn sau:

"Chao ôi! Đối với những người ở xung quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy gần dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương..."

Viết một văn bản ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày hiểu biết của em về ý kiến được nêu trong đoạn văn trên.

Câu 3: (10)

Có ý kiến cho rằng: Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cổ điển vừa mang tinh thần thời đại. Bằng hiểu biết của mình về bài thơ "Tức cảnh

Pác Bó" và bài thơ " Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

Đáp án

Câu 1: (4,0đ)

Về nội dung:

Chỉ ra nghệ thuật so sánh: "Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã". Tác dụng (0,5đ)

- Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi. (0,5đ)
- Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài. (0,5đ)

Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: "im, mỗi, trở về, nằm, nghe". (0,5đ)

Tác dụng của biện pháp nhân hóa:

- Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người. (0,5đ)
- Các từ "im, mỗi, trở về, nằm" cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về. (0,5đ)
- Từ "nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dặn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đồng nhất với cuộc sống người dân chài. (0,5đ)

Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. (0,5đ)

Câu 2: (6,0đ)

Về nội dung:

- Giới thiệu khái quát vị trí của đoạn văn nằm ở cuối truyện "Lão Hạc". (0,25đ)
- Lời nói đó là của ông giáo (thực chất là lời của Nam Cao) khi ông chứng kiến những khổ đau, bất hạnh cũng như vẻ đẹp của Lão Hạc. (0,5đ)
- Đây là lời nói có tính triết lý lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của Nam Cao. (0,25đ)

- Nam Cao muốn khẳng định một thái độ một cách ứng xử mang tính nhân đạo, không nhìn những người xung quanh bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm mà nhìn nhận bằng sự thông cảm thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người. (1,0đ)
- Con người cần biết phát hiện, nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp, những điều đáng quý ẩn sau mỗi con người. Đó là quan niệm đúng đắn khi đánh giá con người. (0,5đ)
- Lấy dẫn chứng để phê phán một số quan điểm đánh giá con người bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm. (1,0đ)
- Lấy dẫn chứng và nêu tác dụng của cách nhìn nhận con người bằng cái nhìn cảm thông, thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người. (1,0đ)
- Nêu bài học cho bản thân mình trong cách ứng xử. (0,5đ)

Về hình thức: Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả) (1,0đ)

Câu 3: (10đ)

Yêu cầu về kỹ năng:

Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:

- Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ...) trong hai bài thơ. (0,5đ)
- Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả) (0,5đ)

Yêu cầu về kiến thức

a. Giới thiệu vấn đề nghị luận (1,0đ)

- Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ "Tức cảnh Pác Bó", "Ngắm trăng".
- Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.

b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.

Bài Tức cảnh Pác Bó

Màu sắc cổ điển.

"Thú lâm tuyên"

- Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng. (0,5đ)
- Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa. (0,5đ)
- Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng. (0,5đ)
- Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ. (0,5đ)

Tinh thần thời đại.

- Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để "lánh đục tìm trong" hay tự an ủi mình bằng lối sống "an bần lạc đạo" mà đến với thú lâm tuyền để "dịch sử Đảng" tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vẻ một ẩn sĩ song thực chất vẫn là người chiến sĩ. (1,0đ)
- Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua từ láy "chông chênh" và 3 chữ "dịch sử đảng" toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ. (1,0đ)
- Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng. (0,5đ)

Bài "Ngắm trăng".

Màu sắc cổ điển.

- Phân tích đề tài "Vọng nguyệt" và thi liệu cổ: "rượu, hoa, trăng" (0,75đ)
- Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đăng đối, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gần bó, tri kỷ. (1,0đ)

Tinh thần thời đại:

- Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù. (1,0đ)
- Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ. (0,75đ)

ĐỀ SỐ 16

I. PHẦN VĂN- TIẾNG VIỆT (4 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Cho biết các tác giả và thể loại của các tác phẩm sau:

a/ "Cô Bé bán diêm".

b/ "Đập đá ở Côn Lôn".

c/ "Chiếc lá cuối cùng".

d/ "Ôn dịch thuốc lá".

Câu 2. (2 điểm) Thể nào là biện pháp nói quá? Cho ví dụ?

Câu 3. (2 điểm) Thể nào là câu ghép? Đặt 2 câu ghép có quan hệ lựa chọn và quan hệ tăng tiến?

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

Đề bài: Em hãy viết một văn bản thuyết minh giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam. (6,0 điểm).

Đáp án

I. PHẦN VĂN- TIẾNG VIỆT (4 điểm)

Câu 1. Cho biết các tác giả và thể loại của các tác phẩm sau: (2đ)

a/ "Cô Bé bán diêm". Tác giả: An –đéc-xen. Truyện ngắn. (0,5đ)

b/ "Đập đá ở Côn Lôn". Tác giả: Phan Châu Trinh. Thơ. (0,5đ)

c/ "Chiếc lá cuối cùng" Tác giả: O'Hen-ri. Truyện ngắn. (0,5đ)

d/ " Ôn dịch thuốc lá". Tác giả: Nguyễn Khắc Viện. Văn bản nhật dụng. (0,5đ)

Câu 2. (1đ)

- Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. (0.5đ)
- Ví dụ: (Tùy ý: Đúng) (0.5đ) Khỏe như voi.

Câu 3. (1đ)

- Câu ghép: là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu.
- Ví dụ: (Tùy ý: Đúng) (0.5đ) Trời mưa to nên tôi đi học muộn. (0.25đ)

Đặt câu:

- Quan hệ lựa chọn: Tôi đi hay bạn đi? (0.25đ)
- Quan hệ tăng tiến: Mưa càng lớn thì nước càng nhiều. (0.25đ)

II . PHẦN TẬP LÀM VĂN: (6 điểm)

a. Yêu cầu cần đạt:

* Yêu cầu về kỹ năng:

Thí sinh viết được một văn bản thuyết minh vận dụng các phương pháp thuyết minh... Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

* Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài: (1đ)

- Nêu định nghĩa về chiếc nón lá.
- Nêu công dụng của chiếc nón lá.

2. Thân bài: (3đ)

- Hình dáng, cấu tạo của chiếc nón lá.
- Nguyên liệu làm nón: Lá, nan tre, chỉ cước, khuôn...
- Cách làm nón.
- Nón lá nổi tiếng nhất? (Nón Huế, nón làng Chuông, ...)
- Công dụng: Che mưa, che nắng, làm quà tặng, đạo cụ múa...
- Là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam

3. Kết bài: (1đ)

Vai trò của nón lá trong đời sống con người Việt Nam và cảm nghĩ về chiếc nón lá.

(Trình bày sạch đẹp, ít sai lỗi chính tả)

b. Biểu điểm:

- Điểm 6: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.
- Điểm 5: Trình bày được 2/3 các yêu cầu trên, còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.
- Điểm 3: Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một vài lỗi về diễn đạt.
- Điểm 1: Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu.
- Điểm 0: Hoàn toàn lạc đề.

ĐỀ SỐ 17

Câu 1: (4,0)

Trong bài thơ "Quê hương", Tế Hanh viết:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.

và

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.

Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.

Câu 2: (6,0)

Đọc kỹ đoạn văn sau:

"Chao ôi! Đối với những người ở xung quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương..."

Viết một văn bản ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày hiểu biết của em về ý kiến được nêu trong đoạn văn trên.

Câu 3: (10)

Có ý kiến cho rằng: Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cổ điển vừa mang tinh thần thời đại. Bằng hiểu biết của mình về bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" và bài thơ " Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

Đáp án

Câu 1: (4,0đ)

Về nội dung:

Chỉ ra nghệ thuật so sánh: "Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã". Tác dụng (0,5đ)

- Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi. (0,5đ)
- Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài. (0,5đ)

Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: "im, mỗi, trở về, nằm, nghe". (0,5đ)

Tác dụng của biện pháp nhân hóa:

- Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người. (0,5đ)
- Các từ "im, mỗi, trở về, nằm" cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về. (0,5đ)
- Từ "nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dặn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đồng nhất với cuộc sống người dân chài. (0,5đ)

Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. (0,5đ)

Câu 2: (6,0đ)

Về nội dung:

- Giới thiệu khái quát vị trí của đoạn văn nằm ở cuối truyện "Lão Hạc". (0,25đ)
- Lời nói đó là của ông giáo (thực chất là lời của Nam Cao) khi ông chứng kiến những khổ đau, bất hạnh cũng như vẻ đẹp của Lão Hạc. (0,5đ)
- Đây là lời nói có tính triết lý lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của Nam Cao. (0,25đ)
- Nam Cao muốn khẳng định một thái độ một cách ứng xử mang tính nhân đạo, không nhìn những người xung quanh bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm mà nhìn nhận bằng sự thông cảm thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người. (1,0đ)

- Con người cần biết phát hiện, nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp, những điều đáng quý ẩn sau mỗi con người. Đó là quan niệm đúng đắn khi đánh giá con người. (0,5đ)
- Lấy dẫn chứng để phê phán một số quan điểm đánh giá con người bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm. (1,0đ)
- Lấy dẫn chứng và nêu tác dụng của cách nhìn nhận con người bằng cái nhìn cảm thông, thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người. (1,0đ)
- Nêu bài học cho bản thân mình trong cách ứng xử. (0,5đ)

Về hình thức: Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả) (1,0đ)

Câu 3: (10đ)

Yêu cầu về kỹ năng:

Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:

- Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ...) trong hai bài thơ. (0,5đ)
- Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả) (0,5đ)

Yêu cầu về kiến thức

a. Giới thiệu vấn đề nghị luận (1,0đ)

- Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ "Tức cảnh Pác Bó", "Ngắm trăng".
- Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.

b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.

Bài Tức cảnh Pác Bó

Màu sắc cổ điển.

"Thú lâm tuyền"

- Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng. (0,5đ)

- Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa. (0,5đ)
- Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng. (0,5đ)
- Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ. (0,5đ)

Tình thần thời đại.

- Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để "lánh đục tìm trong" hay tự an ủi mình bằng lối sống "an bần lạc đạo" mà đến với thú lâm tuyền để "dịch sử Đảng" tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vẻ một ẩn sĩ song thực chất vẫn là người chiến sĩ. (1,0đ)
- Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua từ láy "chông chênh" và 3 chữ "dịch sử đảng" toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ. (1,0đ)
- Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng. (0,5đ)

Bài "Ngắm trăng".

Màu sắc cổ điển.

- Phân tích đề tài "Vọng nguyệt" và thi liệu cổ: "rượu, hoa, trăng" (0,75đ)
- Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đối xứng, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gần gũi, tri kỷ. (1,0đ)

Tình thần thời đại:

- Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù. (1,0đ)
- Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ. (0,75đ)

ĐỀ SỐ 18

PHẦN I: VĂN – TIẾNG VIỆT (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

- Thế nào là câu ghép?

- Xác định câu ghép trong đoạn trích sau và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa chúng?

... "Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...". (Trích "Lão Hạc" của Nam Cao).

Câu 2: (2 điểm)

Qua hai nhân vật chị Dậu (trích: "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố) và Lão Hạc (trích: "Lão Hạc" của Nam Cao). Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 - 7 dòng) nêu suy nghĩ về số phận và tính cách của người nông dân Việt Nam lúc bấy giờ.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

Giới thiệu về ngày tết ở quê hương em.

Đáp án

PHẦN I: VĂN-TIẾNG VIỆT (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

- Nêu đúng khái niệm câu ghép. (1 điểm)
- Câu ghép trong đoạn trích là: "Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít". (0,5 điểm)
- Mối quan hệ ý nghĩa: quan hệ đồng thời. (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm)

- Về hình thức: Học sinh viết đúng yêu cầu đoạn văn (0,5 điểm)
- Về nội dung: Đoạn văn nêu được các ý chính sau:
Bối cảnh xã hội: thực dân nửa phong kiến. (0,5 điểm)
Số phận nhân vật: nghèo túng, khó khăn, vất vả. (0,5 điểm)
Sống ân tình, thủy chung, đạo đức, giữ gìn nhân phẩm, sức sống mãnh liệt... thể hiện truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam ta. (0,5 điểm)

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN: (6 điểm)

1. Yêu cầu chung:

* *Hình thức:* Bài làm đảm bảo các yêu cầu sau:

- Bài làm sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả, câu văn đúng ngữ pháp.
- Biết chọn lọc và sử dụng từ ngữ một cách chính xác. Biết cách sắp xếp ý, đoạn, bố cục bài hợp lí. Diễn đạt mạch lạc, lô gíc, có tính liên kết.

* *Nội dung:*

- Làm đúng thể loại văn thuyết minh.
- Có sự lựa chọn và sử dụng hợp lí các phương pháp thuyết minh đã học.

2. Yêu cầu cụ thể:

Học sinh giới thiệu được ngày tết ở quê hương mình

a. Mở bài: 1 điểm

Giới thiệu chung về ngày tết Âm lịch truyền thống của quê hương.

b. Thân bài: 4 điểm

- Không khí chuẩn bị đón tết: Vệ sinh, trang trí nhà cửa, đường làng ngõ xóm, treo băng rôn, khẩu hiệu...làm bánh, chuẩn bị thức ăn, mua sắm đồ mới...
- Không khí đón tết ở các gia đình: Cúng giỗ người thân đã qua đời, đi chúc tết, mừng tuổi...
- Các lễ hội mừng xuân: các trò chơi gian gian, lễ tảo mộ....

c. Kết bài: 1 điểm

Cảm nghĩ về ngày tết ở quê hương, tuyên truyền ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

3. Hướng dẫn chấm:

- Điểm 5 - 6: Bài làm đạt yêu cầu như đáp án, diễn đạt trôi chảy, văn viết có hình ảnh, không sai lỗi chính tả, ngữ pháp.
- Điểm 4 - <5: Bài làm đạt yêu cầu như đáp án song có một số lỗi sai sót về chính tả hoặc diễn đạt.
- Điểm 3 - <4: Hiểu đúng thể loại, bố cục đủ, nhưng diễn đạt đôi chỗ còn lủng củng, có sai ít lỗi về chính tả, ngữ pháp.
- Điểm 2 - <3: Hiểu đúng thể loại bố cục chưa rõ ràng, nội dung nghèo nàn, diễn đạt lủng củng, sai sót nhiều lỗi chính tả.
- Điểm 1 - <2: Bài làm không đúng theo yêu cầu, viết lan man, mắc quá nhiều lỗi.

* *Lưu ý:* Trên đây chỉ là định hướng cơ bản, khi chấm giáo viên cần linh động căn cứ vào tình hình bài làm cụ thể của học sinh, tôn trọng sự sáng tạo của các em. Có thể không đủ các ý trên nhưng bài viết giới thiệu sâu sắc, hấp dẫn cũng có thể cho điểm tối đa.

ĐỀ SỐ 19

I. PHẦN VĂN VÀ TIẾNG VIỆT: (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

a/ Văn bản "*Trong lòng mẹ*" thuộc thể loại gì?

b/ Nhận định sau đây ứng với nội dung văn bản nào?

"Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và những phẩm chất tốt đẹp của họ khi bị chà đạp và họ đã chống trả một cách mạnh mẽ, quyết liệt được thể hiện qua cái nhìn thương cảm và sự tôn trọng của nhà văn".

Câu 2: (4 điểm). Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc..."

a/ Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu nội dung chính của đoạn văn.

b/ Xác định phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên và nêu tác dụng của phép tu từ đó.

II./ TẬP LÀM VĂN: (5 điểm)

Em hãy thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

Đáp án

I/ PHẦN VĂN, TIẾNG VIỆT: (5 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Thể loại: Hồi kí.

Câu 2:

a/ (2 điểm)

- Đoạn trích trích trong tác phẩm Lão Hạc. Tác giả là: Nam Cao.
- Nội dung chính: Tâm trạng buồn bã, đau đớn, day dứt của lão Hạc sau khi bán đi cậu Vàng

b/ (2 điểm)

- Phép tu từ: So sánh (Lão Hạc với con nít). Từ so sánh: như.
- Tác dụng: gợi tả và nhấn mạnh tâm trạng đau khổ của lão Hạc.

II/ PHẦN TẬP LÀM VĂN: (8 điểm)

HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Mở bài: Giới thiệu được đối tượng thuyết minh: loài hoa
- Thân bài: Trình bày được:
Đặc điểm, cấu tạo, màu sắc, tác dụng, giá trị của loài hoa
Ý nghĩa của loài hoa
- Kết bài: Cảm nghĩ về loài hoa.

ĐỀ SỐ 20**I/ Trắc nghiệm: (2 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Xe chạy chậm chậm ... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc, rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sịt theo:

- Con nín đi! Mẹ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn cỗi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi, lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe đùi áp đùi

mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?

- A. Trong lòng mẹ
- B. Những ngày thơ ấu
- C. Một tuổi thơ văn
- D. Khi đứa con ra đời

Câu 2: Đoàn trích kể lại sự việc nào?

- A. Bé Hồng mơ thấy được gặp mẹ
- B. Bé Hồng được gặp lại mẹ
- C. Bé Hồng nói chuyện với mẹ
- D. Bé Hồng nhớ về người mẹ

Câu 3: Những phương thức biểu đạt nào đã được sử dụng trong đoạn văn?

- A. Tự sự kết hợp nghị luận
- B. Tự sự kết hợp miêu tả
- C. Tự sự kết hợp biểu cảm
- D. Tự sự kết hợp miêu tả biểu cảm

Câu 4: Đoạn văn trên trình bày nội dung theo cách nào?

- A. Theo cách diễn dịch
- B. Theo cách quy nạp
- C. Theo cách tổng - phân - hợp
- D. Theo cách song hành

II. Tự luận: (8 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

Thế nào là từ tượng hình, tượng thanh?

Câu 2: (2 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn, chủ đề tự chọn, có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh.

Câu 3: (5 điểm)

Em hãy kể về ngày đầu tiên đi học của mình.

Đáp án

I. Trắc nghiệm: (2 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	B	D	D

II. Tự luận:

Câu 1: (1 điểm)

Nêu được khái niệm từ tượng hình, tượng thanh.

Câu 2: (2 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh.

Câu 3: (5 điểm)

Yêu cầu về kiến thức

- Xác định ngôi kể: Thứ nhất, thứ ba
- Xác định trình tự kể:
Theo thời gian, không gian
Theo diễn biến sự việc
Theo diễn biến của tâm trạng

a. Mở bài: (1 điểm)

Giới thiệu hoàn cảnh tác động đến nhân vật tôi nhớ lại kỷ niệm đầu tiên đi học.

b. Thân bài: (3 điểm)

- Kể theo trình tự tâm trạng náo nức, bồn chồn, mới mẻ, thông qua hồi tưởng (từ hiện tại nhớ về quá khứ)
- Tâm trạng của em trước ngày đến trường.
- Tâm trạng trước lúc đến trường.
- Tâm trạng trên đường đến trường.
- Tâm trạng lúc ở trường.

- Tâm trạng khi rời tay người thân và ở trong lớp.

c. Kết bài: (1 điểm)

- Ấn tượng của nhân vật tôi lần đầu tiên đi học
- Ý nghĩa của việc đi học
- Suy nghĩ ước mơ của em về ngày mai.

Yêu cầu về hình thức: Trình bày sạch sẽ văn phong sáng sủa

ĐỀ 21	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn <u>NGŨ VĂN LỚP 8</u> <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	---

1. Đọc – hiểu văn bản (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 5 :

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

- Cự bán rồi ?

- Bán rồi. Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :

Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

(Ngữ Văn 8 - tập 1, trang 41,42)

Câu 1. Đoạn trích được trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai ?

Câu 2. Liệt kê những từ tượng hình, tượng thanh có trong đoạn trích ? Nêu tác dụng ?

Câu 3. “*Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít*”

Phân tích cấu tạo của câu ghép ? Nêu mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép ?

Câu 4. Em có nhận xét gì về tâm trạng của lão Hạc khi bán chó qua đoạn trích trên ?

Câu 5. Nếu em là lão Hạc, trong tình huống đó em có nên bán con chó đi không ? Vì sao ?

2. Tạo lập văn bản. (5,0 điểm).

Kể lại một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

- HẾT -

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

KIỂM TRA HỌC KỲ I

Hướng dẫn chấm môn Ngữ văn 8

1. Đọc – hiểu văn bản. (5.0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Biểu điểm
1	Trích từ văn bản “Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao.	1,0
2	- Từ tượng hình : Móm mém - Từ tượng thanh : Hu hu - Tác dụng : Mô phỏng hình dáng miệng lão Hạc khi khóc và tiếng khóc của lão qua đó gợi lên sự đau khổ của lão Hạc sau khi bán chó.	0,25 0,25 0,5
3	- Câu ghép : <u>Cái đầu lão/ ngoeo về một bên và cái miệng/ móm mém</u> CN CN VN VN <u>của lão khóc mếu như con nít.</u> - Mối quan hệ giữa các vế câu trong câu ghép là quan hệ đồng thời	0,5 0,5
4	Tâm trạng của lão Hạc khi bán cậu Vàng : Buồn, đau khổ, hối hận khi bán chó.	1,0
5	- Đáp án : Nên bán hay không nên bán đều được chấp nhận. - Giải thích lý do nên bán hay không nên bán (GV tùy vào tính hợp lý, cách lập luận để giải thích mà ghi điểm).	0,5 0,5

2. Tạo lập văn bản. (5,0 điểm)

Kể lại một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

Tiêu chí đánh giá	Điểm
* Yêu cầu chung : - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài tự sự. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác kể, biểu cảm.	
* Yêu cầu cụ thể :	

a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự : Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài : nêu được vấn đề; phần thân bài : biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau; phần kết bài : nêu cảm xúc	0,5
b. Xác định đúng vấn đề tự sự : Kể lại một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng	0,25
c. Triển khai vấn đề cần tự sự : Nên sử dụng phương pháp kể kết hợp với yếu tố biểu cảm (tâm trạng, cảm xúc của em khi giúp đỡ người đó và cả cảm xúc, suy nghĩ của bản thân em, tâm trạng bố mẹ em...). Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau, sau đây là một số gợi ý.	
c1. Đó là việc gì ?	0,5
c2. Thời gian, địa điểm ?	0,5
c3. Gồm có những ai (tất nhiên là có em) ? Có ai khác ngoài cuộc chứng kiến không ?	0,5
c4. Người được em giúp có cảm xúc như thế nào ? Điều đó làm em xúc động ra sao ? Bố mẹ em vui như thế nào ?	1,0
c5. Những điều em suy nghĩ.	1,0
d. Sáng tạo : Có cách diễn đạt mới mẻ, bài viết với cảm xúc chân thành, sinh động, hấp dẫn người đọc.	0,5
e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

ĐỀ 22	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. Phần trắc nghiệm: (2 điểm) Đọc kĩ các câu sau và trả lời bằng cách chọn phương án đúng nhất.

Câu 1: Tác giả của văn bản “Trong lòng mẹ” (Ngữ văn 8 - Tập 1) là ai?

- A. Nam Cao. B. Ngô Tất Tố. C. Thanh Tịnh. D. Nguyên Hồng.

Câu 2: Văn bản “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn” - Ngô Tất Tố) được viết theo thể loại nào?

- A. Bút kí. B. Tùy bút. C. Tiểu thuyết. D. Truyện ngắn.

Câu 3: Qua sự miêu tả của nhà văn Ngô Tất Tố, tên cai lệ và người nhà lí trưởng trong văn bản “Tức nước vỡ bờ” có điểm gì giống nhau về mặt nhân cách?

- A. Cùng bất nhân tàn ác. B. Cùng làm tay sai.
C. Cùng là nông dân. D. Cùng ghét vợ chồng chị Dậu.

Câu 4: Nhận xét: “Sử dụng thể loại hồi kí với lời văn chân thành, giọng điệu trữ tình, tha thiết” ứng với đặc sắc nghệ thuật của văn bản nào?

- A. Tôi đi học. B. Tức nước vỡ bờ. C. Lão Hạc. D. Trong lòng mẹ.

Câu 5: Trong văn bản “Cô bé bán diêm” của An - đéc - xen, các mộng tưởng mất đi khi nào?

- A. Khi các que diêm tắt. B. Khi em bé nghĩ về sẽ bị cha mắng.
C. Khi bà nội em hiện ra. D. Khi trời sắp sáng.

Câu 6: Theo tác giả bài viết “Thông tin về ngày trái đất năm 2000” (Ngữ văn 8-Tập 1), vấn đề sử dụng bao ni lông nguy hiểm nhất là gì?

- A. Vứt xuống cống rãnh. B. Thải ra biển. C. Đốt cháy. D. Đựng thực phẩm.

Câu 7: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép?

- A. Tôi mãi một chạy sang. B. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra.
C. Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt. D. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

Câu 8: Yêu cầu của việc tóm tắt văn bản tự sự là gì?

- A. Văn bản tóm tắt phải sáng tạo hơn nội dung của văn bản gốc.
B. Văn bản tóm tắt phải dài hơn nội dung của văn bản gốc.
C. Văn bản tóm tắt phải ngắn gọn và trung thành với nội dung của văn bản gốc.
D. Phải phân tích nội dung nghệ thuật của văn bản gốc.

II. Phần tự luận: (8 điểm)

Câu 1: (3 điểm). Đọc phần trích sau:

...“Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.” (“Lão Hạc” - Nam Cao)

- a) Nêu nội dung nghệ thuật của văn bản “Lão Hạc” – Nam Cao?
b) Tìm các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người trong đoạn trích trên?
c) Xác định từ tượng hình, tượng thanh được sử dụng trong đoạn trích trên? Phân tích tác dụng của từ tượng hình, tượng thanh đó?

Câu 2: (5 điểm). Em hãy thuyết minh về cái phích nước.

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm: (2 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	Mức tối đa	Mức không đạt
1	D	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
2	C	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
3	A	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
4	D	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
5	A	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
6	C	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
7	B	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
8	C	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời

II. Phần tự luận: (8 điểm) .

Câu 1: (3 điểm).

a) Học sinh nêu đúng nội dung, nghệ thuật của văn bản “*Lão Hạc*” : (1 điểm).

- Nội dung: Truyện ngắn “*Lão Hạc*” đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân.

- Nghệ thuật: Miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện đặc sắc.

b) Học sinh tìm được đúng các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận của cơ thể người: *đầu, tóc, mắt, mép*. (0,5 điểm)

c) - Học sinh xác định đúng các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn. (0,5 điểm).

+ Từ tượng hình: *xông xộc, vật vã, xộc xệch, rũ rượi, long sông sông*.

+ Từ tượng thanh: *xôn xao, tru tréo*.

- Học sinh phân tích được tác dụng: (1 điểm).

Gợi tả một cách cụ thể, chân thực và cảm động về cái chết vô cùng đau đớn, dữ dội, thâm trầm của lão Hạc.

Câu 2: (5 điểm).

* Yêu cầu về kĩ năng:

Học sinh biết cách làm bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng. Bố cục bài văn ba phần rõ ràng, lời văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

* Yêu cầu về kiến thức: Cần giới thiệu về cái phích nước. Cụ thể như sau:

A. Mở bài:

Giới thiệu về cái phích nước là một đồ dùng quen thuộc trong mỗi gia đình, có nhiều công dụng đối với đời sống con người.

B. Thân bài:

1. Hình dáng: Phích nước thông thường có hình trụ cao khoảng 35 – 45cm. Gần đây, các nhà sản xuất tạo ra phích nước với hình dáng khác nhau, mẫu đẹp hơn.

2. Cấu tạo:

*** Cấu tạo bên ngoài:**

- Vỏ phích thường được làm bằng nhựa hoặc kim loại, bề ngoài có hoa văn đẹp mắt. Vỏ phích có tác dụng bảo quản ruột phích. Phần trên vỏ phích có cấu tạo nhỏ hơn (bộ phận này thường gọi là cổ phích) làm giảm sự truyền nhiệt ra ngoài.

- Nắp phích: ở phần trên nhất của phích được chia làm hai bộ phận: Nắp dưới (còn gọi là nút phích) có cấu tạo bằng loại gỗ xốp nhẹ, bọc vải trắng hoặc làm bằng chất dẻo dùng nắp vào phần trên ruột phích. Nắp trên được gắn với nắp dưới thường được làm bằng nhựa giúp người sử dụng khi cầm, xoay đóng nắp phích dễ dàng.

- Quai phích bằng kim loại hoặc bằng nhựa giúp người di chuyển, sử dụng thuận tiện hơn.

- Đế phích hình tròn bằng nhựa hoặc sắt để đỡ lấy ruột phích.

*** Cấu tạo bên trong:**

- Ruột phích được coi là bộ phận quan trọng nhất của phích nước được cấu tạo bởi hai lớp thủy tinh, ở giữa hai lớp thủy tinh là một khoảng chân không có tác dụng làm mất khả năng truyền nhiệt ra ngoài. Phía trong ruột phích được tráng bạc để giữ nhiệt.

- Đáy phích có van hút khí và nút thủy ngân.

3. Công dụng:

- Phích có công dụng giữ cho nước trong phích luôn nóng: trong vòng 6 tiếng đồng hồ nước từ 100 độ còn giữ được 70 độ.

4. Cách sử dụng và bảo quản:

- Khi mua phích mới cần kiểm tra các bộ phận của phích thật kĩ.

- Phích mới không nên đổ nước sôi vào ngay vì đang lạnh mà gặp nóng đột ngột phích dễ bị nứt vỡ. Nên rót nước ấm khoảng 50 – 60 độ vào trước 30 phút sau đó đổ đi rồi mới cho nước sôi vào.

- Muốn nước nóng lâu không nên cho đầy nước mà để một khoảng trống trên để cách nhiệt

- Cần đổ hết nước cũ ra, tráng sạch hết cặn rồi mới rót nước sôi vào.

- Để phích nơi khô, tránh xa tầm tay trẻ em.

C. Kết bài:

- Khẳng định vai trò, ý nghĩa của phích nước trong đời sống con người.

*** Cách cho điểm:**

- **Mức tối đa: (5 điểm):** Học sinh trình bày được đầy đủ các ý trên, diễn đạt tốt.

- **Mức chưa tối đa: (3,5 – 4,75 điểm):** Học sinh trình bày đầy đủ các ý trên, diễn đạt có thể mắc vài lỗi nhỏ.

- **Mức chưa tối đa: (2 - 3 điểm):** Học sinh trình bày được tương đối đầy đủ các ý trên, bố cục bài viết rõ ràng. Còn mắc lỗi diễn đạt.

- **Mức chưa tới đa: (1- 1,75 điểm):** Học sinh chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, diễn đạt một cách chung chung, trình bày cẩu thả.

- **Mức không đạt: (0 điểm):** Không làm bài hoặc sai lạc cả về nội dung và phương pháp.

Chú ý: Trên đây là những gợi ý, giáo viên chấm bài cần linh hoạt, đánh giá một cách tổng quát bài làm của học sinh. Cần khuyến khích những bài có chất văn.

ĐỀ 23	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

PHẦN I (4 điểm)

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

- Cự bán rồi ?

- Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

Trích *Lão Hạc* -

Nam Cao

Sách *Ngữ văn 8*, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục

Việt Nam, 2016

Em hãy đọc kỹ đoạn văn trên và trả lời các câu sau:

1) Tìm các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn.

2) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện ?

3) Em hãy nêu tóm tắt giá trị nhân đạo của truyện ngắn *Lão Hạc*.

4) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945* đã học trong chương trình *Ngữ văn 8*, tập một.

PHẦN II (6 điểm)

Thuyết minh về một loài vật nuôi có ích trong gia đình.

--- HẾT ---

Họ và tên học sinh:..... ; Số báo
danh:.....

ĐÁP ÁN**I. PHẦN ĐỌC HIỂU 4 điểm**

Câu	Nội dung	Điểm
1	Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn: - Chỉ ra được các từ tượng hình: ằng ặng, móm mém. - Chỉ ra được từ tượng thanh: hu hu.	1,0 0,5 0,5
2	Xác định ngôi kể của đoạn văn: - Đoạn văn trên được kể ở ngôi thứ nhất (ông giáo là người kể chuyện, xưng <i>tôi</i>). - Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể ở ngôi thứ nhất: + Ông giáo – người tham gia câu chuyện, chứng kiến sự việc diễn ra trực tiếp kể lại câu chuyện khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi hơn. Với cách kể này, câu chuyện được kể như những lời giải bày tâm sự, cuốn hút độc giả dõi theo. + Việc lựa chọn ngôi kể này còn giúp cho cách dẫn dắt câu chuyện trở nên tự nhiên, linh hoạt hơn, lời kể chuyển dịch trong mọi không gian, thời gian kết hợp giữa kể với tả, hồi tưởng với bộc lộ cảm xúc trữ tình và triết lý sâu sắc.	1,5 0,5 1,0 0,5 0,5

3	Nêu tóm tắt giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc	1.0
	- Trước hết, giá trị nhân đạo của tác phẩm được khẳng định qua tấm lòng đồng cảm, sự sẻ chia, cảm thông sâu sắc của nhà văn trước số phận đau thương, bất hạnh của người lao động, đặc biệt là của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.	0,5
4	- Truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng với người nông dân (lão Hạc) của nhà văn; đồng thời ngợi ca những phẩm cao quý của lão Hạc...	0,5
	Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề “Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945” đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập 1:	0,5
	- Tác phẩm <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao	0,25
	- Tác phẩm <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố	0,25

II. PHẦN LÀM VĂN 6 điểm

Ý	Nội dung	Điểm
	Thuyết minh về một loài vật nuôi có ích trong gia đình. * Yêu cầu chung: Học sinh vận dụng các phương pháp thuyết minh, quan sát, tích lũy kiến thức thực tế để viết bài văn thuyết minh về một loài vật nuôi có ích trong gia đình. - Yêu cầu học sinh lựa chọn một loài vật nuôi có ích trong gia đình cụ thể - Trong quá trình chấm bài, giáo viên cần chú ý cách vận dụng lý thuyết kết hợp với kiến thức thực tế của học sinh, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh. Những bài văn sao chép lại các bài văn mẫu trong sách giáo khoa và các loại sách tham khảo khác không cho điểm cao.	6,0

1	Mở bài: - Giới thiệu khái quát về loài vật nuôi có ích trong gia đình đã lựa chọn để thuyết minh. - Khuyến khích sự giới thiệu sáng tạo, hấp dẫn của học sinh.	1,0 0,5 0,5
2	Thân bài: Yêu cầu học sinh biết vận dụng các phương pháp thuyết minh chủ yếu đã học (nêu định nghĩa, giải thích, so sánh, phân loại, liệt kê, dùng số liệu...) để làm rõ về một loài vật nuôi có ích trong gia đình - Giới thiệu về nguồn gốc, xuất xứ loài vật nuôi ấy. - Giới thiệu về các chủng loại. - Thuyết minh về hình dáng, những đặc điểm nổi bật, đặc trưng của loài vật nuôi ấy. - Thuyết minh về tập tính của loài vật nuôi ấy: sinh hoạt (thức ăn chủ yếu, phương thức kiếm mồi...), sinh sản... - Cách chăm sóc, nuôi dưỡng. - Nêu rõ giá trị hoặc công dụng, ý nghĩa của loài vật nuôi ấy đối với cuộc sống con người, với truyền thống văn hóa, tinh thần...	4,0 0,5 0,5 1,0 1,0 0,5 0,5
3	Kết bài : - Học sinh bày tỏ thái độ, tình cảm với loài vật nuôi vừa thuyết minh - Nêu trách nhiệm của bản thân với việc bảo tồn, phát huy các giá trị của loài vật nuôi đó.	1,0 0,5 0,5

VẬN DỤNG CHO ĐIỂM PHẦN LÀM VĂN

Điểm 5 - 6: Vận dụng tốt kiến thức đã học và kiến thức thực tế để làm bài văn thuyết minh, trình bày đủ các ý cơ bản như trên, bài viết đảm bảo chính xác, gãy gọn, khúc chiết, sáng tỏ; diễn đạt trôi chảy, lô gic; trình bày sạch sẽ, rõ ràng; chữ viết đúng chính tả.

Điểm 3 - 4: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn thuyết minh, trình bày tương đối đủ các ý cơ bản như trên, diễn đạt có thể chưa tốt, đôi chỗ lạc sang văn miêu tả vào một con vật cụ thể, mắc một số lỗi chính tả.

Điểm 1 - 2: Chưa biết vận dụng kiến thức để làm bài văn thuyết minh; thiếu nhiều ý, nhiều ý lạc sang văn miêu tả, tự sự; bài viết không có bố cục, mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng.

Lưu ý:

- Trong quá trình chấm bài, giáo viên cần hết sức quan tâm đến kỹ năng diễn đạt và trình bày của học sinh. Coi diễn đạt và trình bày (cả nội dung & hình thức trình bày, chữ viết, chính tả...) là một yêu cầu rất quan trọng trong bài làm của học sinh.

- Tôn trọng sự sáng tạo trong quá trình làm bài văn thuyết minh của học sinh, không yêu cầu học sinh nhất thiết phải theo đúng trình tự như Hướng dẫn chấm bài kiểm tra trên đây

- Điểm toàn bài: làm tròn tới 0,5 điểm.

ĐỀ 24	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

PHẦN I: ĐỌC- HIỂU:(3,0 điểm)

Đọc kỹ đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

“-Con nín đi! Mẹ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trên trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.”

(Trích “ Trong lòng mẹ”- Nguyên Hồng, SGK Ngữ Văn 8 tập 1, trang 18)

Câu 1 (0,5 điểm): Đoạn trích trên có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt nào?

Câu 2 (0,5 điểm): Tìm các từ cùng trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể con người trong đoạn trích trên?

Câu 3(2 điểm): Từ nội dung đoạn trích trên, em thấy người mẹ có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (7điểm)

Trong vai cô bé bán diêm, hãy kể lại truyện ngắn “ Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen?

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

MÔN : NGỮ VĂN 8

(Thời gian 90 phút)

Phần I. Đọc – hiểu văn bản (3 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu1 (0,5 đ)	Đoạn trích trên có sự kết hợp của các phương thức tự sự , miêu tả và biểu cảm. (thiếu một trong ba phương thức trên không cho điểm)	0,5
Câu2 (0,5 đ)	Các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể con người trong đoạn trích trên là: Mặt, gò má, đầu, mắt, da, đùi, cánh tay, miệng.	0,5
Câu 3 (2,0 đ)	Học sinh có nhiều cách diễn đạt khác nhau song cần nêu được vai trò của người mẹ đối với mỗi chúng ta trong cuộc sống vô cùng quan trọng: -Mẹ không chỉ là người sinh ra và nuôi dưỡng chúng ta trưởng thành mà còn luôn che chở, dành tình yêu thương, dịu dàng chúng ta.... -Nếu thiếu đi tình yêu thương của mẹ, chúng ta cảm thấy cuộc sống thiếu thốn về mặt tinh thần...	1,0 1,0

PhầnII. Tạo lập văn bản(7điểm)

1. Yêu cầu: a. Hình thức. -Đảm bảo đúng yêu cầu của bài văn tự sự. -Trong khi viết có kết hợp hài hòa các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm. -Ngôi kể: Ngôi thứ nhất. - Trình bày rõ ràng, chữ viết cẩn thận, không sai lỗi chính tả. - Bố cục rõ ràng: mở bài, thân bài, kết bài. b.Nội dung. *Mở bài:	
---	--

-Giới thiệu bản thân: Tôi là cô bé bán diêm. -Nêu khái quát về hoàn cảnh hiện tại: Không dám về nhà vì chưa bán được bao diêm nào. *Thân bài : +Kể về hoàn cảnh hiện tại của tôi. - Gia cảnh mẹ và bà nội đã qua đời. -Sống với ông bố khó tính và luôn chửi mắng. -Nhà nghèo nên tôi phải đi bán diêm để kiếm sống. +Bối cảnh hiện tại: -Thời gian: Đêm giao thừa. -Không gian: Rét buốt dữ dội, tuyết rơi đầy trời. Một mình tôi cô đơn đói rét, lang thang trên đường để mong bán được một bao diêm hay có ai bố thí cho một chút. -Mọi người sung quanh thờ ơ với tôi. =>Tôi hoàn toàn không có nơi nương tựa. +Những mộng tưởng của tôi: -Tôi quét diêm 5 lần và mộng tưởng đẹp để hiện ra,(kể về những lần quét diêm) =>Đây là những khao khát cháy bỏng và tình cảnh đáng thương của tôi. +Cái chết đến với tôi: -Nguyên nhân vì đói rét. -Cái chết của tôi nhẹ nhàng, thanh thản. +Những điều tôi muốn nhắn đến mọi người: -Ngoài kia có nhiều số phận bất hạnh nên cảm thông và thương xót. -Phải biết yêu thương đùm bọc nhau. -Đừng sống vô tâm, ích kỷ. *Kết bài: -Bộc lộ cảm xúc hạnh phúc khi được đi cùng bà. -Gửi gắm những mong muốn con người phải biết yêu thương, giúp đỡ những người nghèo khổ, trẻ em cơ nhỡ.	1,0
2.Cho điểm: -Điểm 6-7: Đạt các yêu cầu trên,văn viết mạch lạc thuyết phục, các ý rõ ràng, không mắc lỗi diễn đạt thông thường. -Điểm 4-5: Đạt phần lớn các yêu cầu trên nhất là phần nội dung có thể còn một vài sai sót, Bố cục tương đối hợp lý. Diễn đạt gọn, ít lỗi diễn đạt. -Điểm 2-3:Đạt ½ yêu cầu về nội dung Chưa có bố cục hợp lý, còn mắc nhiều lỗi hình thức. -Điểm 0-1 : Bài làm lạc đề hoặc chỉ viết dài dòng, sai cả lỗi nội dung và phương pháp.	1,0

Môn NGỮ VĂN LỚP 8*Thời gian: 90 phút***I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Nằm tay tôi chôn góc phù sa sông Mã
Trăm thác nghìn ghềnh cuộn xoáy vào tơ
Làng cong xuống dáng tre già trước tuổi
Tiếng gọi dò khuya sạt cả đôi bờ.

Con hén, con trai một đời nằm lệch
Lấm láp đất bùn đứng thẳng cũng nghiêng
Mẹ gạt mồ hôi để ngoài câu hát
Giấc mơ tôi ngọt hơi thở lảng giềng.

Hạt thóc củ khoai đặt đâu cũng thấp
Cả những khi rỏ rá đội lên đầu
Chiếc liềm nhỏ không còn nơi cắt chấu
Gặt hái xong rồi rom, rạ bó nhau.

(Một góc phù sa, Nguyễn Minh Khiêm, NXB Hội Nhà
văn, 2007)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2. Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh nói về quê hương bình dị, gần gũi trong kí ức của nhà thơ.

Câu 3. Em hiểu thế nào về hai câu thơ sau ?

Mẹ gạt mồ hôi để ngoài câu hát

Giấc mơ tôi ngọt hơi thở lảng giềng

Câu 4. Qua đoạn thơ, em hãy rút ra bài học cuộc sống có ý nghĩa với bản thân mình?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với tâm hồn mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Thuyết minh về chiếc áo dài Việt Nam.

ĐÁP ÁN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN: Ngữ văn - LỚP: 8

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.	0,5
	2	Các từ ngữ, hình ảnh : phù sa sông Mã, con hến, con trai, hạt thóc, củ khoai, rom rạ...	0,5
	3	- Hình ảnh người mẹ tần tảo, lạc quan, yêu đời - Kí ức về tuổi thơ gắn bó với quê hương, xóm giềng và người mẹ yêu quý.	1,0
	4	-Trân trọng những người thân yêu xung quanh mình -Gần gũi, gắn bó với quê hương coi đó là nguồn cội quan trọng đối với bản thân mình.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em trình bày về vai trò của quê hương đối với tâm hồn mỗi người.	2,0
	a	Đảm bảo thể thức của một đoạn văn, chính tả, dùng từ...	0,25
	b	Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
	c	Triển khai đoạn văn theo nhiều cách, song đảm bảo một số ý sau: - Quê hương- hai tiếng ấy vang lên thật thân thương, nơi ta được sinh ra và lớn lên, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người. - Quê hương có ý nghĩa hết sức trang trọng và thiêng liêng đối với tâm hồn con người. Quê hương luôn ấm áp, che chở, dang tay đón nhận khi ta gặp những khó khăn, trắc trở trên bước đường đời. - Quê hương là máu thịt, là tâm hồn ta. Nếu không có tình yêu quê hương, gắn bó với quê hương, luôn có ý thức xây dựng quê hương	1, 0

	giàu đẹp, ta sẽ không thể thành người với đúng nghĩa của nó. - Đáng buồn cho những ai vì lí do nào đó phải rời bỏ quê hương. Cũng đáng trách cho những ai không yêu quê hương mình.	
d	Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật, có cách diễn đạt độc đáo.	0,5
2.	<u>I/Mở bài:</u> - Giới thiệu chung về chiếc áo dài Việt Nam: + Chiếc áo dài đã trở thành trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam. +Chúng ta hãnh diện, trân trọng chiếc áo dài truyền thống này. <u>II/Thân bài:</u> 1.Nguồn gốc, xuất xứ: - Căn cứ vào sử liệu, văn chương, điêu khắc, hội họa, sân khấu dân gian.....chúng ta đã thấy hình ảnh tà áo dài qua nhiều giai đoạn lịch sử. Nghĩ là áo dài đã có từ rất lâu. - Tiền thân của áo dài hơi giống áo tứ thân , sau đó qua lao động, sản xuất chiếc áo giao lãnh mới được chỉnh sửa để phù hợp với thời trang của từng thời điểm. 2. Chất liệu vải: phong phú, đa dạng, nhưng đều có đặc điểm là mềm, nhẹ, thoáng mát. 3. Kiểu dáng - Cấu tạo +Áo dài từ cổ xuống đến chân +Cổ áo may theo kiểu cổ Tàu, cũng có khi là cổ thuyền, cổ tròn theo sở thích của người mặc. Khi mặc, cổ áo ôm khít lấy cổ, tạo vẻ kín đáo. +Khuy áo thường dùng bằng khuy bấm, từ cổ chéo sang vai rồi kéo xuống ngang hông. +Thân áo gồm 2 phần: Thân trước và thân sau, dài suốt từ trên xuống gần mắt cá chân. +Khi mặc áo ôm sát vào vòng eo, làm nổi bật vóc dáng của người phụ nữ. + Tà áo xẻ dài từ trên xuống, giúp người mặc đi lại dễ dàng, thoáng tha, uyển chuyển. - Khăng định đó là nét đặc trưng khác biệt của chiếc áo dài Việt Nam. - Màu sắc: Đa dạng, tùy theo sở thích lựa chọn của mỗi người. 4. Ý nghĩa. - Chiếc áo dài luôn giữ được tầm quan trọng của nó và trở thành bộ lễ phục của các bà, các cô. - Áo dài Việt Nam đã được tổ chức Unesco công nhận là 1 di sản Văn hoá phi vật thể, là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam. -Từ xưa đến nay chiếc áo dài đã trở thành tác phẩm mỹ thuật <u>III.Kết bài:</u> - Ngày nay có nhiều kiểu áo thời trang của nước ngoài du nhập vào nước ta, nhưng trang phục truyền thống, chiếc áo dài dân tộc vẫn là một biểu tượng đẹp của người phụ nữ Việt Nam . - Chiếc áo dài đã trở thành quốc phục. Đó là tâm hồn, cốt cách của người Việt gửi vào	0,5 1,0 0,5 1,0 0,5 1,0 0,5

	vẽ tha thướt, quyến rũ của chiếc áo	

***Lưu ý :**

- **Điểm 4.5-5:** Bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu cả về bố cục, nội dung. Có tính biểu cảm cao. Trình bày sạch, đẹp. Có thể vấp vài lỗi không đáng trong diễn đạt.
- **Điểm 3.5-4 :** Bài viết đảm bảo nội dung trên, nhưng sức thuyết phục chưa cao.
- **Điểm 2-3:** Xác định được yêu cầu của đề ra. Bài viết có thực hiện các yêu cầu trên nhưng chưa sâu sắc
- **Điểm 1-2:** Xác định được yêu cầu của đề ra. Bài viết mới đảm bảo một vài yêu cầu trên. Trình bày cầu thả.
- **Điểm 0:** Bài nộp giấy trắng.



ĐỀ 26**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn NGỮ VĂN LỚP 8***Thời gian: 90 phút***PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)****Câu 1: Dòng nào nói đúng giá trị nội dung của bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn”?**

- A. Hình tượng người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí.
- B. Hình tượng người anh hùng cứu nước buồn bã, bị quan vì phải lao động khổ sai.
- C. Hình tượng người anh hùng thất thế, gặp bước nguy nan, buồn bã, bị động, lao động nhọc nhằn.
- D. Hình tượng người tù khổ sai lao động cực nhọc, nhỏ bé trước thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ.

Câu 2: Nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật ở đoạn trích “Đánh nhau với cối xay gió” là gì?

- A. Miêu tả diễn biến nội tâm
- B. Miêu tả tâm lí
- C. Tương phản
- D. Đối thoại đặc sắc

Câu 3: Điều nào không phải là sự nguy hiểm của bao bì ni lông được thống kê trong văn bản**“Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000” ?**

- A. Lẫn vào đất, cản trở các loài sinh vật phát triển, cản trở cỏ mọc, dẫn đến xói mòn.
- B. Lẫn vào cống làm tắc đường dẫn nước thải, gây lụt lội, gây ra nhiều muỗi, lây truyền bệnh dịch.
- C. Trôi ra biển làm chết các sinh vật.
- D. Bay lên không trung làm không khí bị ô nhiễm.

Câu 4: Nội dung nào không cần thiết trong bài thuyết minh về một đồ dùng?

- A. Xuất xứ, nguồn gốc
- B. Cấu tạo, công dụng
- C. Suy nghĩ, cảm xúc về đồ dùng
- D. Cách sử dụng, bảo quản

PHẦN II: TỰ LUẬN (8 điểm)**Câu 1 (4 điểm).** Cho đoạn thơ: Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

1. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? (0.5 điểm).
2. Hãy giải thích nghĩa từ “ nghiên ” trong đoạn thơ . (0.5 điểm).
2. Tóm tắt nội dung đoạn thơ bằng một câu (0.5 điểm).
3. Chỉ rõ và nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên (0.5

điểm).

4. Viết đoạn văn theo cấu trúc diễn dịch khoảng 7 – 9 câu làm sáng tỏ câu chủ đề **“Đoạn thơ là niềm thương cảm sâu sắc trước nỗi sầu tủi của ông đồ thời tàn”**. Trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép và một tình thái từ hoặc trợ từ hoặc thán từ ? (Gạch chân, chỉ rõ câu ghép và từ loại đã sử dụng, đánh số câu trong đoạn văn).

Bài 2: (4 điểm).

Học sinh được chọn 1 trong 2 đề sau:

Đề 1: Thuyết minh về một phong tục (mừng tuổi, gói bánh chưng)

Đề 2: Thuyết minh về một loài hoa (hoa sen, hoa hồng)

———— Hết ————

(Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm và thu lại đề sau khi kiểm tra.)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2điểm)

Câu 1: A

Câu 2: B

Câu 3: D

Câu 4: C

PHẦN II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1 (4 điểm). Cho một đoạn thơ: 1. Đoạn thơ trích trong bài Ông đồ của Vũ Đình Liên (0.5 điểm).

2. Nghiên: đồ dùng để mài mực hoặc son

3. Đoạn thơ diễn tả nỗi sầu tủi của ông đồ khi khách đến mua chữ ngày càng vắng bóng (0.5 điểm).

4. – Biện pháp tu từ: nhân hóa, (sử dụng câu hỏi tu từ)

- Tác dụng:

+ Những sự vật vô tri vô giác như cùng đồng cảm với tình cảnh của con người, nỗi buồn tủi từ ông đồ lan sang cảnh vật.

+ Diễn tả niềm thương cảm sâu sắc của Vũ Đình Liên trước “cái di tích tiều tụy, đáng thương của một thời tàn” (0.5 điểm).

5. Viết đoạn văn:

- Hình thức: (0.75 đ)

+ Đủ số câu (khoảng 7 – 9 câu), đúng cấu trúc diễn dịch (0.25 đ)

+ Gạch chân và chỉ rõ 1 câu ghép, 1 thán từ hoặc trợ từ, tình thái từ. (0.5 đ)

- Nội dung: (1.25) làm sáng tỏ câu chủ đề “Đoạn thơ là niềm thương cảm sâu sắc trước nỗi sầu tủi của ông đồ thời tàn”:

+ Nỗi sầu tủi trước sự vắng bóng của người xem, người mua chữ. Sự nhạt phai âm thầm nhưng nghiệt ngã, không thể níu kéo.

+ Nỗi sầu tủi của con người như thấm sang cảnh vật: giấy buồn, mực sầu

+ Cảm xúc của nhà thơ: niềm thương cảm xót xa (như phủ cả nỗi ngậm ngùi của mình vào câu chữ).

Bài 2. (4 điểm)

HS có thể triển khai theo ý tưởng của riêng mình, tuy nhiên, cần đầy đủ những nội dung chính cần có trong bài.



Dàn ý tham khảo:

Đề 1: Thuyết minh về một phong tục (mừng tuổi, gói bánh chưng)

I. MỞ BÀI

Dẫn dắt ,giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh: bánh chưng

II. THÂN BÀI

1. Nguồn gốc bánh chưng: nó là loại bánh xuất hiện từ xa xưa theo sự tích bánh chưng bánh giầy.
2. Cách làm bánh chưng
 - Công đoạn chuẩn bị: nguyên liệu, bếp,..
 - Công đoạn gói bánh: gói tay, gói khuôn
 - Công đoạn nấu: thời gian , lượng nước
3. Đặc điểm bánh chưng (phân loại, hình dáng)
4. Ý nghĩa và giá trị sử dụng của bánh chưng, cách bảo tồn phong tục.
5. Cách bảo quản bánh.

III. KẾT BÀI : khẳng định giá trị của bánh, mở rộng, liên hệ.

Đề 2: Thuyết minh về một loài hoa (hoa sen, hoa hồng)

I. MỞ BÀI: Dẫn dắt ,giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh: hoa hồng, hoa sen

II. THÂN BÀI:

1. Nguồn gốc, xuất xứ
2. Đặc điểm, phân loại, cấu tạo.
3. Ý nghĩa, giá trị.
4. Trồng và chăm sóc

5. Cách bảo quản

III. KẾT BÀI : khẳng định giá trị của hoa, mở rộng, liên hệ.

* Biểu điểm:

- Hình thức đoạn văn: 0.5đ
- Mở đoạn: 0.5đ
- Thân đoạn: 2.5đ (mỗi ý 0,5 đ)
- Kết đoạn: 0.5đ

* Chú ý : Kiến thức chính xác, diễn đạt lưu loát, sắp xếp ý hợp lí, vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh. Các con cần chứng tỏ mình đang làm văn thuyết minh chứ không thuyết minh về đối tượng một cách khô khan. Bài làm không phải là sự sao chép kiến thức đơn thuần.

Trên đây chỉ là những gợi ý. Giáo viên căn cứ vào bài làm cụ thể của HS để chấm đúng, linh hoạt, không để HS bị thiệt thòi, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của các em.

ĐỀ 27	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

“Cuộc sống chúng ta sẽ khô cạn biết bao nếu tâm hồn ta không có tình yêu thương. Tình yêu thương có lẽ là món quà tuyệt vời nhất mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. Nó là tiếng nói đồng vọng, kết nối biết bao trái tim con người. Chính những tình cảm này đã mang đến cho cuộc đời nhiều tâm lòng cao đẹp và giàu đức hy sinh. Họ hy sinh cả mạng sống của mình để mang đến sự sống cho người khác mà tiêu biểu cho điều này là cụ Bơ men”

(Kiệt tác của tình thương – Phạm Nguyễn Phương Dung)

Câu 1: Nhân vật được nhắc đến trong đoạn văn trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1 điểm)

Câu 2 : Em có đồng ý với câu nói trong đoạn trích “ *Tình yêu thương là tiếng nói đồng vọng, kết nối biết bao trái tim con người.*” không? Vì sao? (1 điểm)

Câu 3 : Tìm một câu ghép có trong đoạn văn trên ? Xác định mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép đó ?(1 điểm)

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Thuyết minh về chiếc mũ bảo hiểm để qua đó nâng cao ý thức cho giới trẻ trong việc đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông .

ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM MÔN NGỮ**VĂN 8**

Phần	Câu	Yêu cầu kiến thức kĩ năng	Điểm
------	-----	---------------------------	------

I	1	-Tác phẩm : Chiếc lá cuối cùng . -Tác giả : O Hen- ri	0,5 điểm 0,5 điểm
	2	-Đồng ý -Giải thích : Tình thương là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật . Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.	0,5 điểm 0,5 điểm
	3	-Câu ghép : <u>Cuộc sống chúng ta/ sẽ khô cằn biết bao nếu</u> CN VN <u>tâm hồn ta</u> / <u>không có tình yêu thương.</u> CN VN -Mối quan hệ giữa các vế của câu ghép :Điều kiện - kết quả	0,5 điểm 0,5 điểm
II		1.Kỹ năng: - Viết đúng thể loại văn thuyết minh, biết trình bày và sắp xếp các ý một cách hợp lý. Bố cục bài viết rõ ràng, diễn đạt mạch lạc. Không có sai sót lớn về dùng từ, đặt câu.....	
		2.Kiến thức: HS có nhiều cách trình bày tuy nhiên bài làm cần đảm bảo các ý sau: -Lịch sử : Mũ bảo hiểm xuất hiện từ hàng ngàn năm trước lúc đầu được làm bằng da ,rồi dần thay thế bằng kim loại được dùng cho binh lính trong chiến tranh và ngày nay mũ được thiết kế rất đẹp ,đa dạng về chủng loại và màu sắc . -Cấu tạo : Có 3 lớp +Lớp vỏ ngoài cùng : cứng được làm bằng nhựa siêu bền và thường được phủ một lớp bóng với nhiều màu sắc ... +Lớp lót giữa: thường được làm bằng vật liệu mềm ,xốp .. +Lớp lót trong : làm bằng vải mềm +Quai có khóa cài chắc chắn để cố định mũ .	

	-Hình dạng : thường có 2 loại mũ nửa đầu và mũ trùm đầu -Cách thức và hoàn cảnh sử dụng :sử dụng khi tham gia giao thông,khi làm việc trên công trình Đội mũ lên đầu ,mũ vừa phải ôm sát lấy đầu ,khi đội mũ phải cài khóa ,khóa quai phải vừa cầm không quá rộng hoặc quá chặt . -Tác dụng : Để giảm chấn động do va đập bảo vệ vùng đầu đặc biệt là não Dùng để chắn bụi ,mưa gió và bảo vệ mặt . -Cách bảo quản -Nhận xét bình luận một vài câu về mũ bảo hiểm nhập lậu ,hang nhái hàng kém chất lượng .	
	• Biểu điểm Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức nhưng còn mắc lỗi về kỹ năng. Trình bày ý chưa đầy đủ, còn mắc nhiều lỗi thuộc về kỹ năng. Trình bày ý sơ sài, kỹ năng làm bài yếu. Lưu ý: các mức điểm cụ thể khác, giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để xác định một cách phù hợp. - Khuyến khích các bài làm thể hiện tính sáng tạo .	7.0 điểm 5.0.-> 6.0 điểm 3.0 -> 4.0 điểm 1.0 -> 2.0 điểm

ĐỀ 28**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn NGỮ VĂN LỚP 8***Thời gian: 90 phút***Câu 1: (5.0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả đêm, tường chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.”

(Theo Ngữ Văn 8, Tập I)

1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào, của ai?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng của thán từ trong đoạn văn.
3. Theo em, bức tranh chiếc lá thường xuân mà họa sĩ giã trong văn bản có đoạn trích trên vẽ có xứng đáng là kiệt tác không? Vì sao? Từ đó em hiểu thế nào về quan niệm nghệ thuật của tác giả?
4. Từ văn bản có đoạn trích trên và bằng hiểu biết của mình, em hãy viết đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi về tình yêu thương con người, trong đó có sử dụng phép nói giảm, nói tránh (gạch chân phép nói giảm, nói tránh).

Câu 2: (1.5 điểm)

Phân tích để làm rõ cái hay, cái đẹp của hai câu thơ:

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

(“Ông đồ” - Vũ Đình Liên)

Câu 3: (3.5 điểm)

Kể lại một kỉ niệm về tình yêu thương mà thầy (cô) giáo đã giành cho em.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN : NGỮ VĂN 8

Câu 1 (5,0 điểm)		
	Yêu cầu	Điểm
1 (1,0 đ)	- Văn bản “Chiếc lá cuối cùng”.	0,5
	- Tác giả: O Hen-ri	0,5
2 (0,5 đ)	- Thán từ: <i>ô kìa</i> (Hoặc Ồ..)	0,25
	- Tác dụng: thể hiện sự ngạc nhiên của nhân vật	0,25
3 (1,5 đ)	- Bức tranh là một kiệt tác nghệ thuật	0,25
	- Vì: sinh động, giống như thật; được sáng tác với mục đích cao cả và tinh thần lao động quên mình của người nghệ sĩ; có tác dụng như một liều thuốc quý giá đã cứu sống một người đang tuyệt vọng.	0,75
	- Hiểu quan niệm nghệ thuật của tác giả: Nghệ thuật là sự lao động quên mình của người sáng tác; nghệ thuật phải vì sự sống của con người	0,5
4 (2,0 đ)	a. Hình thức:	
	- Đúng đoạn văn, có độ dài phù hợp, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; sử dụng phép nói giảm, nói tránh.	0,5
	b. Nội dung:	
	- Giá trị nhân văn của truyện	0,5
	- Học sinh nêu nhận thức của mình về giá trị nhân văn	0,5
	- Liên hệ bản thân:	0,5
Câu 2 (1.5 điểm)		
	Trình bày bằng đoạn văn đơn giản, chỉ ra được:	
	- Nghệ thuật: nhân hoá	0.5
	- Giấy, mực, nghiên: những vật vô tri cũng biết sầu, buồn; nỗi buồn thấm đẫm cảnh vật	0.5
	- Đó cũng chính là nỗi buồn tê tái, nỗi cô đơn, hiu hắt của ông đồ	0.5
Câu 3 (3.5 điểm)		
Đề 1	* Hình thức:	
	- HS làm đúng kiểu bài văn tự sự, có sự kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm ;	0.5
	- Xây dựng được bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; lời văn rõ ràng, câu văn có hình ảnh, diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả.	0.5
	* Nội dung:	
	- Học sinh có thể làm nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản theo định hướng sau:	

	Kể lại được kỉ niệm theo đúng nghĩa là “kỉ niệm” Qua câu chuyện học sinh thể hiện được tình cảm, lòng biết ơn thầy cô	1.0
		1.5

(GK căn cứ bài làm cụ thể của HS để cho điểm phù hợp)

ĐỀ 29	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

(Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?

Câu 2. Tìm trường từ vựng chỉ các bộ phận cơ thể con người trong đoạn trích.

Câu 3. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu sau và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu đó:

“Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi”.

Câu 4. Qua đoạn trích tác giả muốn nói điều gì? (Trả lời ngắn gọn, không phân tích).

II. TẬP LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1(2.0 điểm)

Cho câu chủ đề: “Hiện nay nạn hút thuốc lá vẫn tồn tại ở trường lớp xung quanh ta”. Hãy viết đoạn văn khoảng 100 chữ trình bày suy nghĩ của em về tác hại của việc hút thuốc lá và khuyên mọi người tránh xa.

Câu 2(5.0 điểm)

Em hãy kể lại một kỉ niệm khó quên với người bạn thân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0

	1	Trích từ văn bản Ôn dịch, thuốc lá	0.5
	2	Trường từ vựng chỉ các bộ phận cơ thể con người: niêm mạc, vòm họng, phế quản, phổi, lông mao.	0.5
	3	- Các lông mao này / có chức năng quét dọn bụi bặm CN VN (và) các vi khuẩn / theo luồng không khí tràn vào CN VN phế quản và phổi. - Quan hệ ý nghĩa: Quan hệ tiếp nối	0.5
	4	Tác giả muốn nói: Tác hại ghê gớm của thuốc lá đối với sức khỏe con người	1.0
II		TẬP LÀM VĂN	7.0
	1	Cho câu chủ đề: “Hiện nay nạn hút thuốc lá vẫn tồn tại ở trường lớp xung quanh ta”. Hãy viết đoạn văn khoảng 100 chữ trình bày suy nghĩ của em về tác hại của việc hút thuốc lá và khuyên mọi người tránh xa.	2.0
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn	0.25
		b. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:	0.25
		- Hiện tượng hút thuốc vẫn tồn tại ở trường lớp, xung quanh ta. - Gây ra tác hại rất lớn đối với sức khỏe, cuộc sống của chúng ta. - Cần phải có quyết tâm và biện pháp triệt để chống lại nạn hút thuốc lá.	0.5
		d. Sáng tạo, có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0.25
	2	Em hãy kể lại một kỉ niệm khó quên với người bạn thân.	5.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần Mở bài, thân bài, kết bài	0.5
		b. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0.5
		c. Triển khai hợp lí vấn đề theo nội dung:	3.5
		Mở bài: - Giới thiệu người bạn của mình là ai. - Kỉ niệm khiến mình xúc động là gì (khái quát). Thân bài: Tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy:	0.5
			2.5

	- Xây ra ở đâu? Lúc nào (thời gian, hoàn cảnh,...) Với ai (nhân vật) - Chuyện xảy ra như thế nào (mở đầu, diễn biến, kết quả) - Điều gì khiến em xúc động? (Biểu hiện của sự xúc động...) Kết bài: - Suy nghĩ, ấn tượng của em về kỉ niệm đó.	0.5
	d. Có quan điểm suy nghĩ, phát hiện độc đáo, mới mẻ, hợp lí, có sức thuyết phục, có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng	0.5

***Lưu ý:**

Giáo viên chấm cần linh hoạt căn cứ vào bài làm cụ thể của học sinh để cho điểm thoả đáng đối với những bài viết có tính sáng tạo, trình bày sạch sẽ.

ĐỀ 30	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Câu 1: (3 điểm) Đọc đoạn trích sau:

“...Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”. (Lão Hạc-Nam Cao)

- Người kể trong đoạn trích là ai? Kể về sự việc gì?
- Chỉ ra các thán từ và các tình thái từ được sử dụng trong đoạn trích trên?
- Đặt một câu ghép chỉ nguyên nhân vì sao lão Hạc gọi tiền cho ông giáo?

Câu 2: (2 điểm) Nêu đặc điểm nổi bật của văn thuyết minh? Hãy liệt kê các phương pháp thuyết minh đã học?

Câu 3: (5 điểm) Dựa vào nội dung đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố, hãy tưởng tượng em là người chứng kiến tình huống chị Dậu chống trả lại cai lệ và tên người nhà lý trưởng. Hãy kể lại bằng lời văn của mình.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

Ngữ Văn 8 - HKI

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1(3đ)	- Người kể trong đoạn trích là lão Hạc, kể về việc lão bán con chó vàng mà lão yêu quý.	1
	- Các thán từ: Này, a.	0,5
	- Các tình thái từ: ă, à.	0,5
	- Đặt câu: Vd: Vì lão không muốn khi chết liên lụy đến hàng xóm nên lão đã gởi tiền ông giáo để lo ma chay cho mình.	1
2(2đ)	* Đặc điểm	
	- Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi tính khách quan, xác thực, hữu ích cho con người.	0,5
	- Văn bản thuyết minh được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ.* Các phương pháp	0,5
	- Nêu định nghĩa, giải thích - Phương pháp liệt kê - Phương pháp nêu ví dụ - Phương pháp dùng số liệu - Phương pháp so sánh - Phương pháp phân loại, phân tích. (Gv linh động cho điểm)	1
3(5đ)	- MB:	
	+ Giới thiệu hoàn cảnh gia đình chị Dậu.	0,5
	+ Tình huống người kể sang nhà chị Dậu.	0,5
	- TB:	
	- Diễn biến sự việc	
	+ Chị Dậu đang chăm sóc chồng...	0,5
	+ Thái độ của tên cai lệ và tên người nhà lý trưởng khi mới đến, Chị Dậu cầu xin ra sao...	0,5
	+ Cao trào của sự việc (thái độ hung hãn của tên cai lệ, sự phản ứng qua từng cách xưng hô của chị Dậu, hai bên lao vào...)	1,5

	+ Kết quả sự việc qua lời khẳng định của chị Dậu...	0,5
	- KB:	
	+ Ca ngợi hành động của chị Dậu vì thương chồng đã dũng cảm đứng lên bảo vệ chồng.	0,5
	+ Khẳng định ý nghĩa của quy luật có áp bức, có đấu tranh. (Gv linh động cho điểm)	0,5

ĐỀ 31	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. Văn – Tiếng việt: (4 điểm)**Câu 1:** (2 điểm)

Cho đoạn văn sau:

“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ... Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”

(Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)

a/ Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1 điểm)

b/ Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào? (0,5 điểm)

c/ Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm).

a/ Câu ghép là gì? (0,5 điểm)

b/ Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu? (1,5 điểm)

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.

(Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)

II. Tập làm văn: (6 điểm)

Thuyết minh về một giống vật nuôi mà em thích.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn Lớp 8

Thời gian : 90 phút

Câu/ Bài	Nội dung	Thang điểm
Câu 1	a. Đoạn văn trên trích trong văn bản: “Lão Hạc”. Tác giả: Nam Cao	1 điểm
	b. Suy nghĩ của nhân vật ông giáo.	0,5 điểm
	c. Nội dung chính của đoạn văn: Nêu lên một thái độ sống, một cách ứng xử: cần có cái nhìn đầy đủ và toàn diện về những người xung quanh, biết tự đặt mình vào hoàn cảnh người khác thì mới có thể hiểu đúng về họ.	0,5 điểm
Câu 2	- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V được gọi là một vế câu.	0,5 điểm.
	- Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch.	0,5điểm
	Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.	0,5điểm

	- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện(giả thiết) - kết quả. (Nếu học sinh trả lời quan hệ điều kiện(giả thiết) vẫn đạt trọn số điểm)	0,5 điểm.
Câu 3	<u>Gợi ý:</u> 1. Mở bài: Giới thiệu chung về con vật nuôi. 2. Thân bài: - Nguồn gốc: Nó có nguồn gốc từ đâu? Thuộc loại nào? - Hình dáng: + Giới thiệu bao quát con vật (Lớn bằng chừng nào? Độ bao nhiêu ký? Thân hình ra sao?) + Các đặc điểm về ngoại hình của con vật (Đầu, thân, chân, đuôi... mỗi bộ phận có những đặc điểm gì nổi bật?) - Đặc tính hoạt động: Thói quen sinh hoạt của con vật. - Đặc tính sinh sản. - Cách chăm sóc con vật nuôi. - Lợi ích của con vật nuôi trong gia đình. 3. Kết bài: Cảm nghĩ của em về con vật nuôi đó. * Biểu điểm: - Điểm 5- 6: Đảm bảo các yêu cầu trên. Diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác không sai lỗi chính tả, trình bày sạch đẹp, bài viết có cảm xúc, có sáng tạo . - Điểm 3- 4: Đảm bảo ½ yêu cầu điểm 5- 6, đôi chỗ sai chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ, đặt câu. - Điểm dưới 1: Chưa biết viết bài văn biểu cảm, mắc quá nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chữ viết cẩu thả, xấu. - Điểm 0: Lạc đề	1 điểm. 4 điểm. 1 điểm

ĐỀ 32**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn NGỮ VĂN LỚP 8***Thời gian: 90 phút***PHẦN I. 2,5 điểm**

“Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc...Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ tha chết chứ không chịu bán đi một sào...”

Trích *Lão Hạc* - Nam Cao

Sách Ngữ văn 8, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Em hãy đọc kỹ văn bản trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Hãy giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao.
- 2) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945*.
- 3) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?
- 4) Em hiểu thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc?
- 5) Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc như thế nào qua đoạn kết trên?

PHẦN II 7,5 điểm**Câu 1. 1,5 điểm**

Từ văn bản *Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000* (Sách Ngữ văn 8, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam), hãy trình bày suy nghĩ của em về bảo vệ môi trường bằng một đoạn văn ngắn (không quá 10 dòng Tờ giấy thi), trong đó có sử dụng biện pháp tu từ *Nói giảm, nói tránh*, chỉ rõ từ ngữ *Nói giảm, nói tránh* đã sử dụng.

Câu 2. 6,0 điểm

Viết bài văn thuyết minh giới thiệu về ngôi trường thân yêu của em.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: 2,5 điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	Giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao: - Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (Nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. - Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những sáng tác chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ. - Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Nam Cao đi theo cách mạng, ông tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến. - Ông đã hi sinh trên đường công tác ở vùng sau lưng địch. Nam Cao được Nhà nước truy tặng <i>Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật</i> năm 1996	1 đ 0,25 0,25 0,25 0,25
2	Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề <i>Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945</i>: - HS kể được 2 tác phẩm và tác giả đã học trong sách Ngữ văn 8, tập một: <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố và <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao.	0,25đ
3	Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện ? - Đoạn văn được kể ở ngôi thứ nhất. Ngôi kể ấy có tác dụng: Tăng thêm tính chân thực của chuyện, câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực hơn. - Qua lời kể của nhân vật <i>tôi</i>, câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên, linh hoạt, giúp tác giả thể hiện sâu sắc suy nghĩ, tình cảm của nhân vật nên sức thuyết phục của câu chuyện cao hơn.	0,5đ 0,25 0,25
4	Nguyên nhân cái chết của lão Hạc: Tình cảnh đói khổ, túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát - Qua đây ta thấy số phận cơ cực của người nông dân VN trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.	0,25đ

5	Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc qua đoạn kết trên: đồng cảm, xót xa trước cái chết đau đớn của lão Hạc; trân trọng nhân cách của lão Hạc...	0,5đ
---	--	------

II. PHẦN LÀM VĂN 7,5 điểm

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu 1		Yêu cầu: hs trình bày suy nghĩ về bảo vệ môi trường bằng một đoạn văn ngắn (không quá 10 dòng Tờ giấy thi), trong đó có sử dụng biện pháp tu từ <i>Nói giảm, nói tránh</i>, chỉ rõ từ ngữ <i>Nói giảm, nói tránh</i> đã sử dụng. HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, nhưng phải nêu được 3 ý sau: - Nêu được tác hại của việc dùng bao bì ni lông, lợi ích của việc giảm bớt chất thải ni lông - Trách nhiệm của bản thân và cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường sống, bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta - Có sử dụng biện pháp tu từ <i>Nói giảm, nói tránh</i>, chỉ rõ từ ngữ <i>Nói giảm, nói tránh</i> đã sử dụng	1,5đ
	Ý 1		0,5
	Ý 2		0,5
	Ý 3		0,5
Câu 2		Viết bài văn thuyết minh giới thiệu về ngôi trường thân yêu của em. Yêu cầu: - HS biết vận dụng các phương pháp thuyết minh, quan sát, tích lũy kiến thức thực tế để viết bài văn thuyết minh về ngôi trường thân yêu của em. - Trong quá trình chấm bài, gv cần chú ý cách vận dụng lý thuyết kết hợp với kiến thức thực tế của hs, khuyến khích sự sáng tạo - những bài hs sao chép lại bài mẫu đã có trong sách giáo khoa và các loại sách tham khảo không cho điểm cao.	6,0đ
	1	Mở bài: - Giới thiệu khái quát về ngôi trường thân yêu của em. - Khuyến khích sự giới thiệu sáng tạo của hs (tạo ra một tình huống, một câu chuyện để giới thiệu về ngôi trường...)	1,0đ 0,5 0,5
	2	Thân bài:	4,0

	Yêu cầu hs biết vận dụng các phương pháp thuyết minh chủ yếu (nêu khái quát, giới thiệu, giải thích, liệt kê, so sánh, phân loại, dùng số liệu, có thể kết hợp miêu tả...) để làm rõ về ngôi trường - Thuyết minh về quá trình thành lập, trường thành, quy mô của ngôi trường, những thành tích tiêu biểu đã đạt được, giới thiệu về các thầy cô giáo, các bạn học sinh... - Thuyết minh, giới thiệu về ngôi trường: khung cảnh chung, cổng đầu, các dãy phòng học, phòng làm việc, sân chơi, vườn trường, cây xanh, các phòng học bộ môn, phòng đọc... Lưu ý: - Không yêu cầu học sinh phải nêu đủ các số liệu cụ thể, chính xác như diện tích, số học sinh...; hs phải vận dụng kiến thức đã học để thuyết minh về một đối tượng rất gần gũi với các em (ngôi trường thân yêu) - cần phân biệt rõ yêu cầu thuyết minh để làm rõ về ngôi trường, không lạc đề sang miêu tả hoặc kể chuyện về ngôi trường.	2,0 2,0
3	Kết bài: - Bày tỏ thái độ, tình cảm của hs với ngôi trường - Nêu trách nhiệm của bản thân với việc xây dựng, phát huy thành tích, truyền thống của nhà trường...	1,0 0,5 0,5

VẬN DỤNG CHO ĐIỂM (Câu 2 Phần làm văn)

Điểm 5 - 6: Vận dụng tốt kiến thức đã học và kiến thức thực tế để làm bài văn thuyết minh về ngôi trường, trình bày đủ các ý cơ bản như trên, bài viết đảm bảo chính xác, gãy gọn, khúc chiết, sáng tỏ; diễn đạt tốt, trình bày đẹp, chữ viết đúng chính tả.

Điểm 3 - 4: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn thuyết minh về ngôi trường, trình bày tương đối đủ các ý cơ bản như trên, bài viết chưa đảm bảo chính xác, gãy gọn, diễn đạt có thể chưa tốt, còn có chỗ lạc sang miêu tả, giải thích, mắc một số lỗi chính tả.

Điểm 2 - 3: Chưa biết vận dụng kiến thức để làm bài văn thuyết minh, còn thiếu nhiều ý, nhiều chỗ lạc sang kể chuyện hoặc miêu tả lan man; bài viết chưa có bố cục mạch lạc, chữ viết chưa đúng chính tả, còn mắc nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm 1: Chưa biết vận dụng kiến thức để làm bài văn thuyết minh, lạc đề.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng.

Lưu ý: - Trong quá trình chấm bài, giáo viên cần hết sức quan tâm đến kỹ năng diễn đạt và trình bày của học sinh. Coi diễn đạt và trình bày cả nội dung & hình thức trình bày, chữ viết, chính tả là một yêu cầu rất quan trọng trong bài làm của hs.

- Khi cho điểm toàn bài, giáo viên cần xem xét cụ thể các yêu cầu này và có hướng khắc phục trong HK II với từng đối tượng học sinh.

Điểm toàn bài: làm tròn tới 0,5 (4,0; 4,5; 5,0; 5,5; 6,0).

ĐỀ 33	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I - PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 đ) - Thời gian làm bài 10 phút

Thí sinh chọn chữ cái chỉ kết quả mà em chọn là đúng và ghi vào tờ giấy làm bài.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi 1,2,3,4,5,6

Xe chạy chậm chậm - Mẹ tôi cảm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại, mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo ...

(Nguyên Hồng - Những ngày thơ ấu)

Câu 1: Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại nào sau đây ?

- A. Phóng sự thuyết B. Hồi ký C. Tiểu thuyết D. Truyện ngắn

Câu 2: Đoạn trích trên diễn tả tâm trạng gì của bé Hồng ?

- A. Niềm tự hào khi gặp lại mẹ lại mẹ B. Sự hồi hộp khi gặp lại mẹ
C. Sự đau đớn khi gặp lại mẹ D. Nổi xúc động khi gặp lại mẹ

Câu 3: Dòng nào sau đây chỉ ra các động từ có cùng phạm vi nghĩa ?

- A. chạy, vẩy D. nức nở, sụt sùi B. vẩy, đuổi C. chạy, ríu

Câu 4: Câu *Mẹ tôi cảm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.* thuộc kiểu câu gì ?

- A. Câu ghép B. Câu rút gọn C. Câu đặc biệt D. Câu đơn

Câu 5: Trong đoạn văn trên có bao nhiêu từ láy ?

- A. 2
B. 3
C. 4
D. 5

Câu 6 : Đoạn văn được trích dẫn sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào ?

- A. Miêu tả
B. Tự sự
C. Biểu cảm
D. Nghị luận

*Học sinh trả lời tiếp từ câu 7 đến câu 12

Câu 7: Biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong văn bản *Đánh nhau với cối xay gió* là gì ?

- A. Phép nhân hoá
B. Phép nói quá
C. Phép tương phản
D. Phép ẩn dụ

Câu 8: Vì sao Đôn Ki - hô - tê lại đánh nhau với cối xay gió ?

- A. Tưởng đó là kẻ thù của mình
B. Tưởng đó là gã khổng lồ
C. Tưởng đó là con vật nguy hiểm
D. Tưởng mình là người có sức mạnh siêu phàm

Câu 9: Từ nào dưới đây **không** phải là từ tượng hình ?

- A. Lò dò
B. Rũ rượi
C. Hu hu
D. Mếu máo

Câu 10: Ai là người kể chuyện trong truyện ngắn Lão Hạc ?

- A. Lão Hạc
B. Binh Tư
C. Tôi
D. Vợ ông giáo

Câu 11: Trong câu “*Ngay tôi cũng không biết đến việc này.*” từ nào là trợ từ ?

- A. ngay
B. tôi
C. không
D. này

Câu 12: Cách nói nào sau đây **không** sử dụng phép nói quá ?

- A. Không một ai có mặt
B. Cười vỡ bụng
C. Đứt từng khúc ruột
D. Một tác đến trời

- Hết -

ĐÁP ÁN

II - PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 đ) - Thời gian làm bài 80 phút

Câu 1: (3,0 đ) Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu a, b, c, d

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận...

(Nam Cao – Lão Hạc)

- a) Khái quát nội dung của đoạn văn bằng một câu hoàn chỉnh.
- b) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.
- c) Tìm 2 câu ghép có trong đoạn văn.
- d) Qua đoạn văn trên, em cảm nhận nhân vật “tôi” là người như thế nào? (Trình bày bằng một đoạn văn ngắn không quá 5 câu).

Câu 2: (4,0 đ) Viết bài văn giới thiệu về một đồ dùng học tập của học sinh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra HỌC KÌ I, Năm học 2017-2018 - Môn NGỮ VĂN, Lớp 8

I - PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Kết quả	B	D	D	A	C	B	C	B	C	C	A	A

II - PHẦN TỰ LUẬN : (7,0 đ)

Câu 1: (3,0 đ)

- a) Nội dung của đoạn văn: Nhân vật “tôi” đang thuyết phục chính mình không nên giận vợ. (0,5đ)
- b) Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn : Nghị luận. (0,5đ)
- c) Học sinh tìm đúng 2 câu ghép trong đoạn văn. (1,0đ)
- d) Học sinh viết đoạn văn ngắn (không quá 5 câu) nêu cảm nhận của mình về nhân vật “tôi” trong đoạn văn (có thể nêu xung quanh ý: ông giáo là người yêu thương vợ, nhân hậu, rộng lượng, luôn suy nghĩ về cách nhìn và đánh giá con người...) (1,0đ)

Câu 2: (4,0 đ)

1. Yêu cầu:

- a) Hình thức: Học sinh viết được một bài văn thuyết minh có bố cục rõ ràng; diễn đạt trong sáng, dễ hiểu; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả ...

b) Nội dung: Giới thiệu về một đồ dùng học tập của học sinh.

2. Tiêu chuẩn cho điểm:

A. Mở bài (0,5 đ): Nêu đối tượng thuyết minh.

B. Thân bài (3,0 đ)

- Cấu tạo của đồ dùng: gồm mấy bộ phận, các bộ phận đó gồm những gì, chất liệu gì, có liên quan với nhau như thế nào? (1,0 đ)

- Ích lợi của đồ dùng đó trong việc học tập của học sinh (1,0 đ)

- Cách sử dụng và bảo quản (1,0 đ)

C. Kết bài (0,5đ): Bày tỏ thái độ của người viết đối với đồ dùng.

* **Lưu ý:** Do đặc trưng bộ môn Ngữ văn, giáo viên cần vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm; nên khuyến khích những bài làm sáng tạo.

- Hết -

ĐỀ 34	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Đọc - hiểu (3,0 điểm)

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xóc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ lùng.

(Trích *Những*

ngày thơ ấu, Nguyên Hồng, Ngữ văn 8,

tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam,

2010)

Câu 1. Các từ *mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng* thuộc trường từ vựng nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích trên, tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung khái quát của đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 4. Vì sao bé Hồng vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ. (1,0 điểm)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (7 - 10 câu) bày tỏ tình yêu của em đối với mẹ. (2 điểm)

Câu 2. Thuyết minh về chiếc bút bi. (5 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**Môn: Ngữ văn - Lớp (Khối): 8****Thời gian làm bài: 90 phút***(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)*

<i>Phần</i>	<i>Câu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm</i>
PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)	1	Các từ <i>mặt, mắt, da, gò má, đôi, đầu, cánh tay, miệng</i> thuộc trường từ vựng <i>các bộ phận con người</i> .	0,5
	2	Trong đoạn trích trên, tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.	0,5
	3	Nội dung khái quát của đoạn trích: Niềm sung sướng đến cực điểm của bé Hồng khi gặp lại mẹ.	1,0
	4	Bé Hồng vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ là vì: - Cảm giác sung sướng đến mê li, rạo rực cả người khi được hít thở trong bầu không khí của tình mẫu tử tuyệt vời....	0,5
		- Tất cả mọi giác quan của Hồng đều thức dậy và mở ra để cảm nhận tận cùng những cảm giác rạo rực, sung sướng cực điểm khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ.	0,5
PHẦN II. LÀM VĂN (7 điểm)	1 (2 điểm)	HS viết đoạn văn: Trên cơ sở nội dung của đoạn trích, bày tỏ tình yêu của mình đối với mẹ. Về hình thức phải có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn. Các câu phải liên kết với nhau chặt chẽ về nội dung và hình thức	
		a. Đảm bảo về thể loại, thể thức, số câu.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề, có liên hệ thực tế.	0,25
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các phương thức biểu đạt. Có thể viết đoạn văn theo ý sau: - Mẹ là niềm hạnh phúc mà con có được, là người phụ nữ chịu	1,0

		thương chịu khó nhất, là người phải gồng mình gánh vác gia đình, là người cho con người sống, cho con nghị lực, cho con mọi thứ tốt đẹp nhất trên đời... - Niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời của mỗi người là có mẹ và còn mẹ bên cạnh chúng ta. - Tình yêu của mẹ là vô điều kiện sẽ không bao giờ mất đi dù cho con có làm bất cứ điều gì mẹ cũng không trách. - Kể một số việc làm và hành động của em thể hiện tình yêu với mẹ: Giúp đỡ mẹ làm công việc nhà những lúc bố mẹ mệt hoặc ốm đau; tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách,... - Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc vì với riêng bản thân em mẹ là điều tuyệt vời nhất và là niềm hạnh phúc to lớn nhất mà em có được.	
		<i>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề (tình yêu của em đối với mẹ).</i>	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0,25
	2 (5 điểm)	Viết bài văn thuyết minh Đề: Thuyết minh về chiếc bút bi.	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.</i> Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Các phần, câu, đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức. Sử dụng phương pháp thuyết minh hợp lý.	0,5
		b. Xác định đúng kiểu bài và đối tượng thuyết minh; biết liên hệ thực tế và mở rộng vấn đề.	0,5
		c. Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo các ý sau: * Mở bài. Học sinh giới thiệu khái quát về chiếc bút bi.	0,5

		* Thân bài	
		- Nguồn gốc, xuất xứ:	0,25
		+ Nguồn gốc xuất xứ của các loại bút	
		+ Giới thiệu được các loại bút	0,25
		- Cấu tạo:	
		+ Cấu tạo bên ngoài: vỏ bút ,chất liệu, kiểu dáng.màu sắc,công dụng	
		+ Cấu tạo bên trong: chất liệu, cấu tạo, công dụng, nguyên tắc hoạt động của viên bi khi ta viết ..	1,0
		- Thuyết minh được công dụng của cây bút.	
		+ Học sinh sử dụng bút để viết bài và làm bài tập.	
		+ Thầy cô dùng bút để soạn bài.	1,0
		+ Các nhà lãnh đạo dùng bút để kí duyệt các kế hoạch	
		+ Các bà các mẹ nội trợ dùng bút để ghi chép cách nấu các món ăn ...	
		- Thuyết minh về cách sử dụng và bảo quản.	
		+ Cất vào hộp cẩn thận khi không sử dụng	
		+ Viết xong cần đậy nắp lại ngay	
		+ Không viết bút lên các bề mặt cứng như gỗ, đá, kim loại...	
		+ Không làm rơi bút.....	
		* Kết bài.	
		Đánh giá được vai trò, vị trí của cây bút trong đời sống của chúng ta.	
		+ Bút bi chiếm một vị trí rất quan trọng trong học tập và trong đời sống của chúng ta	
		+ Cho dù công nghệ thông tin có phát triển đến đâu thì bàn phím của máy tính cũng không thể thay thế hoàn toàn cho cây bút...	0,5
		<i>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có cảm xúc</i>	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ</i>	0,25

	pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 35	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Câu 1 (2 điểm): Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:

(...) Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông”.

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân hủy của pla-xtic. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi. (...) (Ngữ văn 8, tập một)

- a) Phần trích trên thuộc văn bản nào? b) Văn bản ở a thuộc loại văn bản gì?
- c) Bao bì ni lông ở phần trích được coi là gì? d) Văn bản ở a viết về chủ đề nào?

Câu 2 (2 điểm): Thế nào là câu ghép? Tìm cụm C - V (chủ ngữ, vị ngữ) trong câu ghép dưới đây và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép?

Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Câu 3 (6 điểm): Em hãy giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM**ĐỀ THI HỌC KỲ I****MÔN: NGỮ VĂN 8**

Câu 1 (2 điểm): Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:

(...) Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông”.

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân hủy của pla-xtic. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi. (...)

(Ngữ văn 8, tập một)

Học sinh trả lời đúng, mỗi câu được 0,5 điểm:

a) Phần trích trên thuộc văn bản nào?

- Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000 **(0,5đ)**

b) Văn bản ở câu a thuộc loại văn bản gì?

- Văn bản nhật dụng **(0,5đ)**

c) Bao bì ni lông ở phần trích được coi là gì?

- Rác thải sinh hoạt **(0,5đ)**

d) Văn bản ở câu a viết về chủ đề nào?

- Bảo vệ môi trường **(0,5đ)**

.....

Câu 2 (2 điểm): Thế nào là câu ghép? Tìm cụm C - V (chủ ngữ, vị ngữ) trong câu ghép dưới đây và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép?

Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

- Học sinh nêu đúng định nghĩa câu ghép: (1 điểm)

Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu.

- Xác định đúng các cụm C-V và trả lời đúng mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép như ở dưới : (1 điểm)

Cảnh vật chung quanh tôi // đều thay đổi, vì chính lòng tôi // đang có sự thay đổi lớn:

C

V

C

V

hôm nay tôi đi học.

(0.5)

C V

=> Quan hệ ý nghĩa: vế 1 với vế 2: quan hệ nguyên nhân - kết quả,

vế 2 với vế 3: quan hệ giải thích.

(0.5)

.....

Câu 3 (6 điểm): Em hãy giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.

1/ Yêu cầu:

*** Về hình thức:** Đề ra thuộc kiểu bài văn thuyết minh kết hợp miêu tả và biểu cảm.

HS cần sử dụng các chi tiết, từ ngữ, câu văn chính xác; biết sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm để làm cho bài văn sinh động...

*** Về nội dung:** Học sinh phải giới thiệu được đặc điểm, tác dụng và ý nghĩa của chiếc nón lá Việt Nam.

Bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

a) Mở bài: Giới thiệu chung về chiếc nón lá Việt Nam.

b) Thân bài: Tập trung trình bày đặc điểm, lợi ích của chiếc nón lá.

- Giới thiệu về đặc điểm của chiếc nón lá Việt Nam như hình dáng, nguyên liệu làm nón, cách làm, nón được làm ở đâu, địa phương nổi tiếng về nghề làm nón...

- Ích lợi của chiếc nón lá, nón có tác dụng như thế nào trong cuộc sống đời thường, trong tinh thần, văn hóa của người Việt Nam.

- Nón có thể biểu tượng cho cái gì, về đẹp gì, vì sao được nhân dân ta yêu thích, giữ gìn...

c) Kết bài: Nhấn mạnh giá trị, bày tỏ tình cảm, thái độ của mình đối với chiếc nón lá Việt Nam.

2/ Biểu điểm:

- Điểm 5,5 -> 6,0: Bài viết hay, sáng tạo.

- Điểm 4,5 -> 5,0: Bài viết mức độ khá.
- Điểm 3,0 -> 4,0: Bài viết mức độ trung bình.
- Điểm < 2,5: Bài viết mức độ yếu, quá yếu.

Lưu ý: Tùy mức độ bài làm của HS, giáo viên chấm điểm linh hoạt, đảm bảo hợp lý; cần trân trọng những bài viết có ý tưởng, sáng tạo, giàu chất văn.

.....

ĐỀ 36	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. Văn – Tiếng việt: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Cho đoạn văn sau:

“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ... Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”

(Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)

- a/ Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1 điểm)
- b/ Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào? (0,5 điểm)
- c/ Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm).

- a/ Câu ghép là gì? (0,5 điểm)
- b/ Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu? (1,5 điểm)

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như
dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.

(Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)

II. Tập làm văn: (6 điểm)

Thuyết minh về một giống vật nuôi mà em thích.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn Lớp 8

Thời gian : 90 phút

Câu/ Bài	Nội dung	Thang điểm
Câu 1	a. Đoạn văn trên trích trong văn bản: “Lão Hạc”. Tác giả: Nam Cao	1 điểm
	b. Suy nghĩ của nhân vật ông giáo.	0,5 điểm
	c. Nội dung chính của đoạn văn: Nêu lên một thái độ sống, một cách ứng xử: cần có cái nhìn đầy đủ và toàn diện về những người xung quanh, biết tự đặt mình vào hoàn cảnh người khác thì mới có thể hiểu đúng về họ.	0,5 điểm
Câu 2	- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V được gọi là một vế câu.	0,5 điểm.
	- Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch.	0,5điểm
	Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.	0,5điểm
	- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện(giả thiết) - kết quả.	0,5 điểm.

	(Nếu học sinh trả lời quan hệ điều kiện(giả thiết) vẫn đạt trọn số điểm)	
Câu 3	<u>Gợi ý:</u> 1. Mở bài: Giới thiệu chung về con vật nuôi. 2. Thân bài: - Nguồn gốc: Nó có nguồn gốc từ đâu? Thuộc loại nào? - Hình dáng: + Giới thiệu bao quát con vật (Lớn bằng chừng nào? Độ bao nhiêu ký? Thân hình ra sao?) + Các đặc điểm về ngoại hình của con vật (Đầu, thân, chân, đuôi... mỗi bộ phận có những đặc điểm gì nổi bật?) - Đặc tính hoạt động: Thói quen sinh hoạt của con vật. - Đặc tính sinh sản. - Cách chăm sóc con vật nuôi. - Lợi ích của con vật nuôi trong gia đình. 3. Kết bài: Cảm nghĩ của em về con vật nuôi đó. * Biểu điểm: - Điểm 5- 6: Đảm bảo các yêu cầu trên. Diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác không sai lỗi chính tả, trình bày sạch đẹp, bài viết có cảm xúc, có sáng tạo . - Điểm 3- 4: Đảm bảo ½ yêu cầu điểm 5- 6, đôi chỗ sai chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ, đặt câu. - Điểm dưới 1: Chưa biết viết bài văn biểu cảm, mắc quá nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chữ viết cẩu thả, xấu. - Điểm 0: Lạc đề	1 điểm. 4 điểm. 1 điểm

ĐỀ 37**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn NGỮ VĂN LỚP 8***Thời gian: 90 phút***Câu 1 (1,0 đ)**

Thế nào là trường từ vựng? Hãy đặt tên trường từ vựng cho dãy từ sau: đi, đứng, chạy, nhảy, giảm, đập.

Câu 2 (2,0 đ)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

- Con nín đi! Mẹ đã về với các con rồi mà.

(Nguyễn Hồng, Trong lòng mẹ)

- Xác định trong đoạn trích câu văn có sử dụng tình thái từ câu khiến.
- Tìm trong đoạn trích các từ láy tượng hình và tượng thanh.
- Xét về mặt cấu tạo, câu “Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.” thuộc kiểu câu gì?
- Dấu hai chấm được sử dụng trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 3 (2,0 đ)

Nêu giá trị nghệ thuật và nội dung truyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen.

Câu 4 (5,0 đ)

Trong thế giới thực vật, mỗi loài hoa có vẻ đẹp và ý nghĩa riêng. Hãy thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 1 (1.0 đ)	Thế nào là trường từ vựng? Hãy đặt tên trường từ vựng cho dãy từ sau: đi, đứng, chạy, nhảy, giẫm, đạp.	
	- Trường từ vựng là tập hợp của tất cả các từ có nét chung về nghĩa.	0.5
	- Đặt tên trường từ vựng: Hoạt động của chân.	0.5
Câu 2 (2.0 đ)	Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:	
	a. Câu văn có sử dụng tình thái từ cầu khiến: <i>Con nín đi!</i>	0.5
	b. Các từ láy tượng hình và tượng thanh: <i>chầm chậm, hồng hộc, nước nở, sục sùi.</i>	0.5
	c. Câu ghép	0.5
Câu 3 (2.0đ)	d. Dấu hai chấm có tác dụng: đánh dấu (báo trước) lời đối thoại.	0.5
	Nêu giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản <i>Cô bé bán diêm</i> (An-đéc-xen).	
	Giá trị nghệ thuật: Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lý.	1.0
Câu 4 (5.0 đ)	Giá trị nội dung: Truyện kể về hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm, qua đó, nhà văn truyền cho người đọc lòng thương cảm chân thành, sâu sắc đối với những con người bất hạnh.	1.0
	Trong thế giới thực vật, mỗi loài hoa có vẻ đẹp và ý nghĩa riêng. Hãy thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.	
Câu 4 (5.0 đ)	a. Yêu cầu về kĩ năng:	
	- Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh. - Vận dụng được các kiến thức về văn thuyết minh và kỹ năng làm văn thuyết minh. - Kết cấu chặt chẽ; ngôn từ chính xác, dễ hiểu; hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết rõ ràng dễ theo dõi; trình bày sạch,	

	đẹp.	
	b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau:	
	- Giới thiệu tên loài hoa mà em yêu thích.	1.0
	- Thuyết minh về đặc điểm, phẩm chất của hoa: + Đặc điểm của hoa: nguồn gốc, thân, lá, nụ, hoa...; + Vai trò và tác dụng của hoa trong cuộc sống; + Ý nghĩa của loài hoa; + Cách trồng, cách chăm bón.	3.0
	- Nêu cảm nghĩ và bài học về niềm vui sống giữa thiên nhiên, hoa cỏ.	1.0
	* Giáo viên định điểm bài làm của học sinh căn cứ vào mức độ đạt được ở cả hai yêu cầu: kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 38	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3đ) (Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất)

1. Văn bản “ Lão Hạc” là của tác giả nào sau đây:

- A. Nam Cao B. Ngô Tất Tố C. Thanh Tịnh
D. Nguyên Hồng.

2. Văn bản “Tức nước vỡ bờ” được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn B. Truyện dài C. Hồi kí
D. Tiểu thuyết.

3. Trong văn bản “ Chiếc lá cuối cùng”, lí do nào sau đây không làm cho chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ trở thành kiệt tác ?

- A. Được vẽ bằng tâm lòng cao cả, sự hi sinh âm thầm B. Tác phẩm đó bán được nhiều tiền



C. Tác phẩm đó cứu sống Giôn-xi
phẩm đó vẽ quá hoàn hảo, giống như thật.

D. Tác

4. Trong văn bản “Cô bé bán diêm”, những lần quẹt diêm và mộng tưởng được xây dựng bằng nghệ thuật gì??

A. So sánh
phản

B. Tưởng tượng
D. Nói quá.

C. Tưởng tượng và phép tương

5. Qua văn bản “Thông tin về ngày Trái đất năm 2000”, em thấy việc dùng bao bì ni lông không có tác hại nào sau đây?

A. Làm cản trở quá trình phát triển của thực vật
các sinh vật do chúng nuốt phải

B. Làm chết

C. Nếu bị đốt, gây nhiều bệnh nguy hiểm cho con người
thư.

D. Chất hắc ín gây ung

6. Nhận định nào nói đúng nhất về tác hại của thuốc lá?

A. Ảnh hưởng đến sức khỏe người hút
đạo đức con người.

B. Ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế,

C. Gây nhiều bệnh tật nguy hiểm
những người xung quanh

D. Ảnh hưởng đến người hút và

7. Những từ nào sau đây cùng trường từ vựng với nhau?

A. Kháng sinh, thuốc giun, ăm-pi-xi-lin
viên, giám đốc

B. Thầy giáo, cô giáo, học sinh, sinh

C. Hoa hồng, hoa lay ơn, hoa huệ
điện.

D. Bút bi, bút máy, bút lông, bút

8. Nhóm từ nào sau đây không phải tất cả là từ tượng hình?

A. Lò dò, lò cò, sột soạt
lấp lánh

B. Lung linh, long lanh,

C. Lênh khênh, chập chững,
phập phồng

D. Lom khom, nhấp nhô,

9 Trong câu “Vì không học bài cũ nên mình bị lãnh trùng ngỗng môn Địa lí”, từ “trùng ngỗng” thuộc loại từ ngữ nào?

A. Từ địa phương

B. Biệt ngữ xã hội

C. Từ toàn dân

D.

Một loại từ ngữ khác

10 Từ “à” trong câu: “Ngày mai, bạn sẽ đi Đà Nẵng à?” thuộc loại tình thái từ nào?

A. Tình thái từ nghi vấn

B. Tình thái từ cầu khiến

C. Tình thái từ cảm thán

D. Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm

11 Trong câu “*Chính cô giáo chủ nhiệm đã đến thăm mẹ mình hôm qua.*”, trợ từ là?

- A. Chính B. Đã C. Minh
D. Thăm

12 Thành ngữ nào sau đây không sử dụng phép nói quá?

- A. Gần nhà xa ngõ B. Khỏe như voi C. Đen như than D. Trắng như tuyết.

II. Phần tự luận (7đ)

1. Nêu giá trị nghệ thuật của văn bản: Chiếc lá cuối cùng (1đ)
2. Xác định cấu trúc cú pháp trong câu ghép sau và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu?(1đ)

*Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn:
Hôm nay tôi đi học.*

(Thanh Tịnh – Tôi đi học)

3. Thuyết minh về một đồ dùng trong nhà hoặc một dụng cụ học tập (5đ)

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 3đ- Đúng mỗi ý 0,25đ

ĐA	B	D	B	C	D	B	D	A	B	A	A	A
----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

II. PHẦN TỰ LUẬN 7đ

1. Nêu giá trị nghệ thuật của văn bản: Chiếc lá cuối cùng
- Dàn dựng cốt truyện chu đáo, các tình tiết được sắp xếp tạo nên hứng thú đối với độc giả. (0,5đ)
- Đảo ngược tình huống 2 lần. Hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên sự hấp dẫn cho thiên truyện. (0,5đ)
2. Xác định cấu trúc cú pháp trong câu ghép sau và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu?(1đ)

Cảnh vật chung quanh tôi/ đều thay đổi, vì chính lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn:
Hôm nay tôi / đi học. (0,5đ)

(Thanh Tịnh – Tôi đi học)

- Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: giải thích (0,5đ)
3. Thuyết minh về một đồ dùng hoặc một dụng cụ học tập (5đ)

- MB: Giới thiệu vật dụng cần thuyết minh. (1đ)
 - TB: Thuyết minh các đặc điểm: (2đ)
 - + Nguồn gốc xuất xứ, chủng loại
 - + Đặc điểm hình dạng cấu tạo
 - + Công dụng
 - + Cách sử dụng và bảo quản
 - KB: Khẳng định vai trò, vị trí của vật dụng đó trong đời sống con người. (1đ)
- Đảm bảo bố cục: 2đ; Diễn đạt trôi chảy, không sai chính tả: 2đ. Bài viết có sáng tạo (1đ)*

ĐỀ 39	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I: Tiếng Việt (2 điểm)

Trong 8 câu hỏi sau, mỗi câu có 4 phương án trả lời A, B, C, D; trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng viết vào tờ giấy làm bài.

Câu 1: Từ “Này” trong phần trích: “Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! (Lão Hạc) thuộc từ loại nào dưới đây?

- A. Thán từ
- B. Quan hệ từ
- C. Trợ từ
- D. Tình thái từ

Câu 2: Dấu ngoặc đơn dùng để:

- A. Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.
- B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.
- C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
- D. Đánh dấu phần chú thích.

Câu 3: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép?

- A. Tôi mãi một chạy sang.
- B. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra.
- C. Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt.

D. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

Câu 4: Trong các từ sau đây, từ nào là từ tượng hình?

- A. Lú lo B. Véo von
C. Lon ton D. Rả rích

Câu 5: Thành ngữ nào dưới đây sử dụng phép tu từ nói quá ?

- A. Chuột sa chĩnh gạo B. Đầu voi đuôi chuột
C. Khỏe như voi D. Lên thác xuống ghềnh.

Câu 6: Câu văn “*Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!*” (Nam Cao) sử dụng phép tu từ nói giảm nói tránh nhằm:

- A. Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.
B. Tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề.
C. Tránh thô tục, thiếu lịch sự.
D. Phóng đại quy mô, tính chất của sự vật, sự việc.

Câu 7: Từ “*ạ*” trong câu “*Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!*” (Nam Cao) là:

- A. Trợ từ B. Thán từ
C. Tình thái từ D. Quan hệ từ.

Câu 8: Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì?

“*Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.*” (O Hen-ri)

- A. Ẩn dụ B. Hoán dụ
C. Nói quá D. Nói giảm nói tránh

Phần II: Đọc – hiểu văn bản (3,5 điểm)

Em hãy đọc phần trích sau:

“*Vừa nói hần vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trối anh Dậu.*”
Hình như tức

quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- *Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!*

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hần cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- *Mày trối ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!*

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trối vợ chồng kẻ thiếu suu...”

(Theo SGK Ngữ Văn 8, tập một, trang 30-31)

1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?
2. Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn trên.
3. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Từ văn bản có đoạn văn được dẫn ở trên, em rút ra được quy luật gì trong cuộc sống?

4. Trong cuộc sống hôm nay, nếu chứng kiến cảnh người phụ nữ hay một bé gái bị chồng, cha ngược đãi, em sẽ ứng xử như thế nào? (Viết thành một đoạn văn từ 6 đến 8 dòng).

Phần III: Tập làm văn (4,5 điểm)

Ngày đầu tiên đi học luôn để lại những ấn tượng khó phai mờ trong ngăn kí ức tuổi thơ của mỗi người. Bằng một bài văn, hãy kể lại kỉ niệm ngày đầu tiên đi học của em.

- HẾT -

ĐÁP ÁN

Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	C	C	B	C	D

Trả lời đúng mỗi câu cho 0,25 điểm. Trả lời sai hoặc thừa thì không cho điểm.

Phần	Nội dung	Điểm
Phần II:	1. - Đoạn văn trích từ tác phẩm “Tắt đèn”	0,25

Đọc–hiểu văn bản (3,5 điểm)	- Tác giả: Ngô Tất Tố	0,25
	2. Phương thức biểu đạt chủ yếu: Tự sự. (Nếu HS nêu nhiều phương thức biểu đạt thì không cho điểm)	0,5
	3. - Nội dung chính của đoạn văn: Diễn tả cuộc phản kháng quyết liệt của chị Dậu với cai lệ khi hắt cùng người nhà lí trưởng đến nhà vợ chồng chị Dậu đòi bắt anh Dậu vì thiếu sưu. - Quy luật: Tức nước vỡ bờ, có áp bức có đấu tranh (HS chỉ cần nêu được 1 trong hai cách trên vẫn cho điểm tối đa).	0,75 0,5
	4. * Yêu cầu hình thức: HS biết viết đoạn văn; diễn đạt rõ ràng, trôi chảy; độ dài đoạn văn phù hợp yêu cầu (từ 6 đến 8 dòng). * Yêu cầu nội dung: HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau. Học sinh có thể đưa ra hai trong những phương án sau: - Giải thích để người ngược đãi hiểu đó là việc làm vi phạm luật bình đẳng giới, vi phạm quyền trẻ em. - Chạy báo để mọi người xung quanh cùng biết, cùng can ngăn, đưa người bị hại ra khỏi nơi bị ngược đãi. - Báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng gần nhất để kịp thời xử lý kẻ ngược đãi. ...	0,25 1,0
Phần III: Tập làm	* Yêu cầu chung: - Viết bài văn hoàn chỉnh, bố cục 3 phần: Mở bài,	

văn (4,5 điểm)	thân bài, kết bài. - Ngôi kể: thứ nhất, xưng <i>tôi</i> hoặc <i>em</i> - Biết vận dụng kĩ năng làm bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. - Kết cấu bài làm chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; văn viết có cảm xúc chân thành, tự nhiên, hợp lí. Biết sử dụng các biện pháp tu từ trong bài văn. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
	* Yêu cầu cụ thể: a. Mở bài: *Yêu cầu: Giới thiệu về ngày đầu tiên đi học, ấn tượng chung. *Cách cho điểm: - Điểm 0,25: đảm bảo yêu cầu - Điểm 0: thiếu hoặc sai hoàn toàn.	0,25
	b. Thân bài: *Yêu cầu: Lần lượt kể lại các sự việc trong ngày đầu tiên đi học - Trước ngày khai trường: mẹ đưa đi mua quần áo mới, cặp sách, giày dép... - Trên đường đến trường: + Miêu tả cảnh vật trên đường đến trường + Tâm trạng, cảm xúc của em trên đường đến trường - Khi đến trường và khi dự lễ khai giảng: + Miêu tả lại quang cảnh của trường, không khí đông vui náo nhiệt trên sân trường. + Các hoạt động diễn ra trong lễ khai giảng + Ấn tượng, cảm xúc của em về ngôi trường - Tâm trạng của em khi ngồi trong lớp học. - Ấn tượng về thầy (cô) giáo, về bạn bè như thế	4,0

	nào?... * Cách cho điểm: - Điểm 3,5 - 4: Đảm bảo tốt tất cả các yêu cầu, có sáng tạo riêng, văn viết có cảm xúc. - Điểm 2,5 - 3: Lựa chọn được các sự việc, các hình ảnh tiêu biểu, đúng trọng tâm, vẫn có cảm xúc nhưng đôi chỗ diễn đạt chưa thật hay. - Điểm 2: Đảm bảo một nửa số ý. Còn mắc một số lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu - Điểm 1 – 1,5: Nội dung chưa thật phong phú, đạt 1/3 số ý, chưa biết kết hợp với miêu tả và biểu cảm, còn mắc một số lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 0,5: Đảm bảo một vài sự việc nhưng đơn điệu, mắc nhiều lỗi sai chính tả, dùng từ, đặt câu - Điểm 0: Không làm bài hoặc sai lạc hoàn toàn với yêu cầu của đề bài.	
	c. Kết bài: *Yêu cầu: Nêu ấn tượng sâu sắc, cảm xúc, suy nghĩ của em về ngày đầu tiên đến trường. *Cách cho điểm: - Điểm 0,25: đảm bảo yêu cầu - Điểm 0: thiếu hoặc sai hoàn toàn. * Chú ý: <i>1. Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng trình độ của học sinh, không đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo, giàu cảm xúc, diễn đạt tốt.</i>	0,25

	2. Chỉ để điểm lẻ thập phân ở mức 0,5	
--	--	--

ĐỀ 40	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 1.1 đến câu 1.4).

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!
- Cự bán rồi?
- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

(Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1.1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào:

- A. Lão Hạc. B. Tôi đi học. C. Trong lòng mẹ. D. Hai cây Phong.

Câu 1.2. Đoạn trích trên thuộc thể loại:

- A. Nghị luận. B. Thuyết minh. C. Truyện ngắn. D. Tiểu thuyết.

Câu 1.3. Dấu hai chấm trong đoạn trích dùng để:

- A. Báo trước lời đối thoại. B. Báo trước phần giải thích.
C. Báo trước phần thuyết minh. D. Báo trước lời dẫn trực tiếp.

Câu 1.4. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:

- A. Miêu tả. B. Tự Sự.
C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 2.1 đến câu 2.3).

“Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ”.

(Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 2.1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi kể:

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba. D. Ngôi thứ tư.

Câu 2.2. Câu nào là câu ghép trong các câu sau:

- A. Ta khó mà ở cho vừa ý họ.
B. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế.
C. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng.
D. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.

Câu 2.3. Câu ghép trong đoạn trích trên các vế được nối với nhau bằng cách nào:

- A. Dấu phẩy + quan hệ từ.
B. Dấu chấm.
C. Dấu hai chấm.
D. Dấu hỏi chấm.

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 3. (2,0 điểm)

Xác định nội dung chính của đoạn trích ở câu 1. Qua nhân vật Lão Hạc, em có suy nghĩ gì về phẩm chất và số phận người nông dân trong xã hội cũ? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng một đoạn văn ngắn từ (5 đến 7 câu).

Câu 4. (6,0 điểm) Thuyết minh về một thứ đồ dùng mà em yêu thích.

- Hết -

Lưu ý: Giám thị coi thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung				Điểm
Trắc nghiệm	Câu 1	1.1	1.2	1.3	1.4	1,0
		A	C	A	A, B	
	Câu 2	2.1	2.2	2.3		1,0
		A	D	A		

Tự luận	Câu 3	- Đoạn trích thể hiện tâm trạng đau đớn, dằn vặt, xót xa, ân hận của lão Hạc khi bán con chó vàng. - Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ, bất hạnh. Nhưng ông lại có những phẩm chất cao quý đáng trân trọng đó là sự chăm chỉ, hiền lành, nhân hậu, giàu lòng vị tha, và có tình thương yêu con tha thiết. Nhưng cuối cùng con người bất hạnh đó đã phải lựa chọn cho mình một cái chết thật đau đớn. Cái chết đó là sự lên án sâu sắc thực tại xã hội phong kiến, đã đẩy những người nông dân vào bước đường cùng. - Mức tối đa. HS nêu được đầy đủ ý trên - Mức chưa tối đa. - Trả lời được 1 ý, và các ý còn lại chưa đầy đủ, chưa chính xác. - Mức không đạt + HS nêu sai nội dung, không đúng ý nào (không đúng yêu cầu câu hỏi) + Học sinh không trả lời/ Học sinh không làm bài.	1,0
	Câu 4	- Hình thức: Viết đảm bảo hình thức văn bản thuyết minh, đúng kiểu câu, chính tả, trình bày sạch sẽ. - Về nội dung: Học sinh có thể lập ý theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được đặc điểm cấu tạo, công dụng của đồ dùng đó. Cụ thể: đảm bảo cơ bản theo dàn ý sau - Mở bài: + Định nghĩa khái quát về đối tượng thuyết minh. - Thân bài: + Giới thiệu về hình dạng của đối tượng thuyết minh. + Giới thiệu về màu sắc, chất liệu của đối tượng thuyết minh. + Cấu tạo của đối tượng thuyết minh gồm mấy phần, chất liệu, màu sắc, công dụng của mỗi phần + Công dụng chung của đối tượng thuyết minh. + Nhưng lưu ý khi sử dụng và cách bảo quản. - Kết bài: + Giá trị của đối tượng thuyết minh trong hiện tại và tương lai	0,25-0,75 0 0,5 0,5 0,5 1,0 1,5 1,0 1,0

	*Lưu ý: - Khuyến khích các bài viết sáng tạo. - Điểm trừ tối đa đối với bài làm không đảm bảo bố cục bài văn tự sự là 1,0 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết chưa biết vận dụng tối đa về ngôi kể 0,5 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết có nhiều lỗi chính tả, diễn đạt là 0,25 điểm	0,5
--	--	-----

ĐỀ 21	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 1.1 đến câu 1.4)

“Cai lệ giọng vẫn hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hắn quay ra bảo người nhà lí trưởng:

- Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thùng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.”

(Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1.1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào:

- A. Lão Hạc. B. Tôi đi học. C. Tức nước vỡ bờ. D. Hai cây Phong.

Câu 1.2. Đoạn trích trên thuộc thể loại:

- A. Nghị luận. B. Thuyết minh. C. Truyện ngắn. D. Tiểu thuyết.

Câu 1.3. Dấu hai chấm trong đoạn trích dùng để:

- A. Báo trước lời dẫn trực tiếp. B. Báo trước phần giải thích.
C. Báo trước phần thuyết minh. D. Báo trước lời đối thoại.

Câu 1.4. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:

- A. Miêu tả. B. Nghị luận.
C. Biểu cảm. D. Tự Sự.

Câu 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 2.1 đến câu 2.3).

..."Vừa nói hấn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu. Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại: Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!"...

(Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 2.1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi kể:

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba. D. Ngôi thứ tư.

Câu 2.2. Câu nào là câu ghép trong các câu sau:

- A. Vừa nói hấn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch
B. Sấn đến để trói anh Dậu.
C. Hình như tức quá không thể chịu được.
D. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Câu 2.3. Câu ghép trong đoạn trích trên các vế được nối với nhau bằng cách nào:

- A. Dấu phẩy. B. Dấu chấm.
C. Dấu hai chấm. D. Dấu hỏi chấm.

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 3. (2,0 điểm)

Xác định nội dung chính của đoạn trích ở câu 1. Qua nhân vật chị Dậu, em có suy nghĩ gì về phẩm chất và số phận người nông dân trong xã hội cũ? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng một đoạn văn ngắn từ (5 đến 7 câu).

Câu 4. (6,0 điểm) Thuyết minh về một thứ đồ dùng mà em yêu thích.

- Hết-

Lưu ý: Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung				Điểm
Trắc nghiệm	Câu 1	1.1	1.2	1.3	1.4	1,0
		C	D	D	A, D	

	Câu 2	<table><tr><td>2.1</td><td>2.2</td><td>2.3</td></tr><tr><td>C</td><td>D</td><td>A</td></tr></table>	2.1	2.2	2.3	C	D	A	1,0
2.1	2.2	2.3							
C	D	A							
Tự luận	Câu 3	- Đoạn trích thể hiện hành động hung hăng, hống hách, không có tình thương của bọn tay sai và hoàn cảnh khốn khổ của gia đình chị Dậu. - Chị Dậu là người phụ nữ nông dân nghèo khổ, bất hạnh. Nhưng chị lại có những phẩm chất cao quý đáng trân trọng đó là sự chăm chỉ, hiền lành, đảm đang tháo vát, giàu đức hi sinh, và có tình thương yêu chồng con tha thiết. Ở con người chị toát lên sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Chị dám đứng lên để bảo vệ chồng, dù có thể phải tù tội. Chị Dậu chính là hình ảnh tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới xã hội phong kiến - Mức tối đa. HS nêu được đầy đủ ý trên - Mức chưa tối đa. - Trả lời được 1 ý, và các ý còn lại chưa đầy đủ, chưa chính xác. - Mức không đạt + HS nêu sai nội dung, không đúng ý nào (không đúng yêu cầu câu hỏi) + Học sinh không trả lời/ Học sinh không làm bài.	1,0 0,25-0,75 0						
	Câu 4	- Hình thức: Viết đảm bảo hình thức văn bản thuyết minh, đúng kiểu câu, chính tả, trình bày sạch sẽ. - Về nội dung: Học sinh có thể lập ý theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được đặc điểm cấu tạo, công dụng của đồ vật đó. Cụ thể: đảm bảo cơ bản theo dàn ý sau - Mở bài: + Định nghĩa khái quát về đối tượng thuyết minh. - Thân bài:	0,5 0,5						

	+ Giới thiệu về hình dạng của đối tượng thuyết minh.	0,5
	+ Giới thiệu về màu sắc, chất liệu của đối tượng thuyết minh.	1,0
	+ Cấu tạo của đối tượng thuyết minh gồm mấy phần, chất liệu, màu sắc, công dụng của mỗi phần	1,5
	+ Công dụng chung của đối tượng thuyết minh. + Nhưng lưu ý khi sử dụng và cách bảo quản.	1,0
	- Kết bài: + Giá trị của đối tượng thuyết minh trong hiện tại và tương lai	1,0
	*Lưu ý: - Khuyến khích các bài viết sáng tạo. - Điểm trừ tối đa đối với bài làm không đảm bảo bố cục bài văn tự sự là 1,0 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết chưa biết vận dụng tối đa về ngôi kể 0,5 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết có nhiều lỗi chính tả, diễn đạt là 0,25 điểm	0,5

Mời các bạn xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-8>